TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ

RA HÀNG TUẦN

Tòa báo và nhà in : 70, phố Bạch-Mai
Ty trị-sự : 195, phố Hàng Bông — Hanoi

TRONG SỐ NÀY :

* Hiếu-thượng — *Hoa-Bằng*
* Văn-hóa Đông-dương (II) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Việc thâu phục nước Thủy-xá và Hỏa-xá (Hết) — *Hoài-Dũng*
* Quyển Thi văn bình chú (X) — *Ứng-Hòe*
* Nhà văn hiện đại (quyển hai) (Hết) — *Khiết-Phủ*
* Phạm-Thái (kịch dài bằng thơ, VI) — *Phan khắc-Khoan*
* Cadop và Cadoek — *Dương-Kỵ*
* Tiểu-sử cụ thủ-khoa Nghĩa (II) — *Trực-Thần*
* Tuồng « Kim thạch kỳ duyên » (I) — *Nguyễn Đại-Liêng*
* Gia thế họ Đinh ở Hàm-giang (I) — *Tiên-Đàm*
* Đêm hội Long-trì (Tiểu thuyết, XXII) — *Nguyễn-huy-Tưởng*

Năm thứ ba — **Số 99**
Thứ năm, 10 Juin 1943

0$30

Hiếu-Thượng

HOA-BẰNG

XƯA ta học chữ nho, mới vỡ lòng được độ một năm, nghĩa là sau khi học trọn cuốn *Tam tự kinh*, khoảng bảy, tám tuổi, đã được trau-giồi vào trí não cái tư-tưởng trọng sĩ mà khinh rẻ mọi nghề khác, bằng những câu thơ ngũ ngôn này :

« *Mãn triều chu, tử qui :*
« *Tận thị độc thư nhân.* »

Nghĩa là :

Hết thảy những người quan sang mặc phẩm-phục màu son, màu tía đứng đầy trong Triều-đình kia đều là hạng người « đọc sách » cả.

Và :

« *Bách ban giai hạ phẩm,*
« *Duy hữu đọc thư cao.* »

Nghĩa là :

Hàng trăm tầng-lớp khác đều là đồ thấp-kém cả, chỉ có hạng người « đọc sách » là cao hơn.

Ta nên hiểu rằng hạng « đọc sách » đây tức là chỉ về hạng sĩ, một hạng đã được xã-hội ta xưa liệt đứng đầu trong « tứ dân ».

Ăn phải cái tư-tưởng ấy từ bé, người mình đổ xô cả vào một đường hiếu-thượng : *đi học, thi đỗ, làm quan* rồi... tự mãn, tự túc, tự cao, tự đại !

Hiếu-thượng ấy đã được tỏ rõ ở mấy câu trong bài *Khuyến học* ca, tương truyền là của cụ Bạch-Vân-am Nguyễn Bỉnh-Khiêm (1) mà người gọi là Trạng Trình :

Hữu nhân khuyến ngã : « sự lương điền,
Tinh-nghiệp ư nông, cách thục hiền ? »
Ngã vị : « lương điền phong hữu khiểm,
« Thừ điền tự cổ vô hung niên ».
Hữu nhân khuyến ngã : « chỉnh viên-trang,
« Dị thụ, kỳ hoa, thú-vị trường ! »
Ngã vị : « chỉ viên điền địa quảng,
« Tài thành quế thụ chi chi hương. »
Hữu nhân khuyến ngã : « học lương công. »
Thâu mặc, Lâu thằng, xảo dụng công. »
Ngã vị : « nho công ma bút phủ,
« Trác thành lương đống miếu-đường long. »
Hữu nhân khuyến ngã : « học danh thương,
« Trục thị thương-triền mãn cái tàng. »
Ngã vị : « nho thương uẩn mỹ ngọc,
« Cập thời dĩ giá thụ quân-vương... » (2)

Cứ như ý mấy câu thơ trích dẫn trên đây thì ngoài nghề học-hành khoa-cử, trăm công nghìn nghiệp khác đều không ra gì, chẳng đáng cho hạng sĩ nhúng tay làm đến ; và trừ phải « anh đồ », còn những nhà làm ruộng, nhà làm vườn, nhà làm thợ, nhà buôn này khác đều không đáng đếm-xỉa gì cả !

Hiếu-thượng ấy phải chăng đã đưa nước ta đến bước « văn nhược », rồi kết-quả đi chung một đường lầm-lạc như nước Chi-na đến nỗi chác lấy câu phê-bình này của người ngoại-quốc :

— « *Độc Mạnh-tử phú cường chi thư nhi vị thường bất thái tức ư kim nhật chi Chi-na dã !* »

Câu ấy nghĩa là : Đọc *Mạnh-tử* là sách chú-trọng về thuật phú-cường, thế mà không khỏi thở dài cho nước Chi-na ngày nay !

Tại sao người ta nói thế ?

Này, mở đầu cuốn *Mạnh-tử*, ta thấy nhà hiền-giả Mạnh-Kha nói ngay đến thuật phú cường, khuyên người ta phải chú-trọng đến việc nông tang, đừng làm lỗi mùa làm ruộng, đừng làm nhỡ lứa sinh-nở của loài gà mái, chó cái, lợn sề khiến cho trong nước ai ai cũng được no cơm ấm áo. Đó là chính-sách « duy-vật » trong khuôn-vòng nhân-nghĩa. Đó là những phương-thuật cốt-yếu cần phải thực-hành nếu muốn dân giàu, nước mạnh.

Nhưng vì người sau học lầm và hiểu sai, nên ta cũng như Tàu, chỉ đua nhau theo đuổi mạt-học là từ-chương khoa-cử, quên hẳn cái học căn-bản có thể đưa quốc gia lên chốn vũ-đài hùng-cường ; vì thế mới bị người ngoài phê-bình như vậy.

Nên nhớ : đời vua Lý Thái-Tông (1028-1054) đã biết chế xe « thái-bình » (năm ất dậu, Thiên-cảm thánh-võ thứ hai, 1045), chính Hồ Nguyên-Trừng lại biết chế súng « thần-cơ hỏa-sang » (3) (nhà Hồ : 1400-1407). Coi vậy, người mình không phải không có óc

phát-minh, sáng-chế; chẳng qua hiếu-thượng ngày một sai-lạc, dần dần cứ đi mãi vào con đường « hư văn », không thiết thực-dụng, nên mới ăn phải ác quả như kia!

Hiếu-thượng sai-lạc ấy cứ kéo dài mãi.

Đến khoảng năm 1907-1908, trong xã-hội ta còn nảy những biện-tượng « trái mùa »: phần đông còn mạt-sát cái thuật phú-cường của Thái-tây, coi « công-lợi » là những chuyện đáng bỉ, chỉ có việc « ngâm thơ đọc phú » của mình là « vương-đạo », còn công nghệ kỹ-năng của người khác đều là « bá-thuật » cả! Cái bịnh ấy, mấy nhà thức-giả đương-thời quả đã kể đúng trong cuốn *Văn-minh tân học sách: « Vì qui vương, rẻ bá, nên không thèm bàn-nói đến máy-móc khéo-léo, sự-nghiệp giàu mạnh của người ngoài...»* (trích dịch nguyên văn chữ hán).

Nói cho đúng, xưa học nho, người mình đã mắc cái hiếu-thượng sai-lạc: lấy sự đỗ ông thám, ông bảng, ông cống, ông nghè làm cứu cánh của việc học. Nay học tây, phần đông lại vẫn giữ cái hiếu-thượng nông cạn ấy: lấy sự làm nên ông tham, ông huyện, ông đốc... làm cái mục-đích duy-nhất ở đời!

Vẫn biết bằng cấp là những nấc thang cần phải trải qua để trèo lên lâu-đài học-vấn, nhưng nếu chỉ khu-khu lấy bằng-cấp làm cứu-cánh sử học, làm mục-đích ở đời như thế, thì cục-lượng con người hả chẳng quá hẹp, quá thấp, quá nhỏ-nhen?

Nếu ta chỉ làm cái bát cái chậu, thì một gảo nước hoặc một thùng nước đổ vào cũng đủ đầy tràn; nhưng nếu ta có chí làm biển thì nghìn sông muôn ngòi tha-hồ chảy vào cũng chẳng khi nào tràn-trề, tràn-rụa!

Than ôi! cái hiếu-thượng « làm bát, làm chậu » của số đông người mình đã lộ rõ ở từ ngôn-ngữ đến cử-chỉ, từ hành-vi trong gia-đình đến động tác ngoài xã-hội. Chứng cớ ấy thật không thiếu gì trong những điều mắt thấy, tai nghe:

Người ta chơi câu đối? Phần đông không phải vì thích chữ tốt, yêu văn hay, nhưng vì muốn sĩ-diện ở mấy cái lạc-khoản có chức-tước!

Người ta in danh-thiếp? Không phải vì cốt thông tính-danh, tỏ địa chỉ song hình như chỉ cốt trưng những chức-sắc, tước trật và phẩm hàm!

Người ta đăng cáo-phó? Có lẽ ít vì cốt để báo tang, nhưng phần nhiều cốt để lợi-dụng cái chết của ông bà cha mẹ mà quảng cáo cái « danh-phận » của con cháu!

Cái bệnh hiếu-thượng bất chính ấy truyền nhiễm đến cả nữ-giới làm cho lắm người cũng mắc lây:

Các bạn có nhớ không? Một dạo ở xã-hội ta đã nổi lên cái phong-trào: « phi cao-đẳng bất thành phu-phụ! » Rồi vì thế trong cuộc hôn nhân đã xảy lắm chuyện lừa gạt rất buồn cười: hoặc mượn văn bằng của người khác để đưa cho nhà gái « sát hạch » trong khi cầu hôn; hoặc giả làm nhà tòng-sự trong mấy tháng để nhà gái nếu có dò la vẫn thấy « sớm vác ô đi, tối vác về »!

***

Học giới nước ta sở-dĩ trước giờ chưa có gì đáng gọi là tư-tưởng, học-thuyết, trình-độ dân ta sở dĩ nhiều nơi hãy còn ấu trĩ thấp kém, có lẽ chỉ vì hiếu-thượng của người mình bấy lâu vẫn quá tầm-thường!

Bây giờ nếu muốn nâng cao trình-độ, đưa quốc-gia lên bước tiến-tới, thiết tưởng, cần phải chữa ngay từ vấn-đề căn-bản ấy: gây lại hiếu-thượng!

Tôi xin đề nghị:

1·) Phàm nghề nghiệp gì có ích cho dân, lợi cho nước, ta nên tỏ ý tôn trọng cả, chứ không nên riêng qui một nghề sĩ-hoạn;

2·) Phàm muốn trọng ai, phải xét ở nhân-cách và chân giá-trị của người ấy, chứ không nên căn cứ ở cái danh hão, cái vỏ ngoài

3) Từ trong gia-đình đến chỗ bạn-hữu ta nên kêu tên hoặc tự, hoặc hiệu của nhau, chứ đừng « tâng-bốc » nhau bằng những tiếng gọi theo trong bằng-cấp, chức-sắc;

4·) Trừ những việc làm có tính cách chuyên-môn hoặc những trường-hợp đặc biệt, cần phải dùng chức-sắc làm vật đảm-bảo không kể, ta không cần phải « vật vai » thêm gì vào chỗ cái tên trong sạch của ta từ danh-thiếp cho đến lạc-khoản câu đối...

5·) Trong cuộc hôn-nhân, ta nên quăng bỏ cái lối kết hôn bằng điều-kiện, sẽ tránh được những sự lừa gạt ẩn sau bằng cấp hoặc trong tiền tài... Gây lại được hiếu thượng như thế, thì một ngày kia, sẽ có hi-vọng kết hôn bằng ái tình chân-chính được.

Nói tóm, thế-đạo thịnh hay suy là quan-hệ ở hiếu-thượng chân chính hay không chân-chính tương lai hay hay dở, cũng theo ở hiếu thượng phải đúng hay không phải đường.

(*Xem tiếp trang 9*)

VĂN HÓA ĐÔNG DƯƠNG

Số 2

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

TRUNG-châu Bắc-kỳ là chỗ chôn rau cắt rốn của người Việt-nam; vì không có bờ cõi thiên-nhiên, nên thường bị nước Tàu xâm-chiếm. Các tướng Bắc-kỳ ngày xưa theo chế-độ phong-kiến, họp cả dưới quyền một ông vua: có ông có thực-quyền, có ông chỉ làm vì.

Đến đầu thế-kỷ thứ hai trước Thiên-chúa, Bắc-kỳ và miền phía bắc Trung-kỳ bị sáp-nhập vào nước Nam-việt là nước bấy giờ mới dựng lên bảng những tỉnh phía nam nước Tàu, là tỉnh Phúc-kiến, Quảng-đông và Quảng-tây, do Tần Thủy-hoàng chinh-phục vào cuối thế-kỷ trước. Sau Giao-chỉ (tức trung-châu Bắc-kỳ), Cửu-chân (tức phía bắc Trung-kỳ), đổi thành quận huyện nước Tàu. Hán Vũ-đế (khoảng năm 111 trước Thiên-chúa) lấy Nam-việt, giữ cả hai quận Giao-chỉ Cửu-chân, đặt thêm quận Nhật-nam, từ Hoành-sơn trở vào Huế Đà-nẵng.

Cứ thực thì gốc-tích người Việt-Nam là thế nào? — Có người nói người Việt-Nam đến ở đất nước Nam chưa lấy gì làm lâu lắm, do cuộc di-dân từ phía đông nước Tàu đi xuống, nhưng sách Tàu chép không rõ, nên có người đã bác thuyết ấy kịch-liệt, vậy không nên theo, chỉ nên nói rằng: [illegible]rc ra, chẳng biết gì về gốc-tích [illegible]rời Việt-Nam.

[illegible]hắc là tạp-chủng, có lẽ tổ-[illegible] ở vào khoảng giữa trung-châu [illegible]-kỳ đã lâu lắm, tiếng nói gần giống với tiếng bọn Thái, so với người Mường ở Hòa-bình và Thanh-hóa thì giống lắm: có lẽ người Việt-nam bây giờ cũng là giống Mường, nhưng đã cảm-hóa theo Trung-hoa và lai đi lai lại mãi.

Giao-chỉ thành một nơi biên-trấn cõi nam của Tàu, để cho những nhà văn-học Tàu đến trú-ngụ, hoặc để cho quan Tàu bị viễn-lưu đến làm quan. Buôn bán đường thủy hay đường bộ cũng phải qua lưu-vực sông Nhị-hà, cho nên Giao-chỉ (tức là đất Kattigara chép trong quyển địa-dư của Ptolémée khoảng thế-kỷ thứ hai sau Thiên-chúa) cũng được thịnh-vượng.

Cái ảnh-hưởng văn-minh đời Hán hiện còn nhiều vết-tích trong nước, nhất là những ngôi mộ xây cuốn bằng gạch, đào lên trong có đồ đồng và đồ gốm, đều theo cách-thức của Tàu.

Ở tỉnh Thanh-hóa, những mộ như thế thấy xây gần những mộ đơn-sơ hơn, có lẽ cổ hơn một ít. Đấy cũng nhặt được đồ đồ, phần nhiều là đồ đồng, tức là vết-tích của một nền văn-hóa riêng, người ta đặt tên là văn-hóa Đông-sơn, do tên chỗ đào được. Văn-hóa ấy nửa Tàu, nửa bản-xứ; người thời bấy giờ đã biết nghề đúc và nghề chạm kim-khí đến trình-độ khá cao.

***

Cái ảnh-hưởng của Tàu ở Bắc-kỳ gốc ở chính-trị. Trái với ảnh-hưởng của Ấn-độ ở phía nam Đông-dương, gốc ở kinh-tế và buôn-bán, nhưng cái ảnh-hưởng này cũng xâu-xa lắm, vì có người văn-học, người tu-hành đi theo các nhà buôn bán và các nhà mạo-hiểm đến Đông-dương và quần-đảo Mã-lai để tìm kiếm vàng bạc và các thượng-phẩm quí-giá. Sau người văn-học và người tu-hành dạy dân phía nam Đông-dương cúng-tế theo đạo Ấn-độ (hindouisme) và đạo Phật Thích-ca, dùng chữ phạm làm văn-tự, và theo mẫu-mực mỹ-thuật của Ấn-độ. Ấy gốc văn-hóa Chiêm-thành và Cao-miên ở đấy mà ra.

Cỗi rễ Chiêm-thành hình như ở tỉnh Quảng-nam bây giờ. Người Chiêm (ta gọi nôm là người Hời), nói một thứ tiếng hơi giống tiếng Mã-lai, cùng dòng giống Indonésien với mọi Rhadé, mọi Jarai và các giống mọi ở dẫy núi Trung-kỳ. Các dân Indonésien dời bờ biển Đông-dương đã lâu để sang làm ăn ở quần-đảo Mã-lai và các đảo ở Thái-bình-dương;

HỒ BA BỂ
là một thắng-cảnh của đất nước. Muốn biết rõ
HỒ BA BỂ?
xin mời các bạn hãy thần du với tác-giả tập du-ký
HỒ BA BỂ
ghi chép rất rành-mạch, sửa lại rất kỹ-càng, in đẹp, giấy tốt, nhiều tranh-ảnh, bìa hai màu.
in tại nhà in Tri-Tân
giá 2$00 một cuốn.
Có bán khắp xứ Đông-pháp và tại địa-chỉ tác-giả Nhật-Nham TRỊNH-NHƯ-TẤU Tham-tá phủ Thống-sứ Bắc-kỳ Hanoi.

chỉ có Chàm với Mọi ở lại ở Đông-dương.

Năm 137 sau Thiên-chúa người Chàm đi cướp phá miền phía bắc (tức Việt-nam). Đến năm 192 chiếm được vùng phía nam quận Nhật-nam, rồi không bao lâu chiếm cả dải đất hẹp, một bên núi, một bên bể, là đất Trung-kỳ bây giờ, trừ mấy tỉnh phía bắc Hoành-sơn (Hà-tĩnh, Nghệ-an).

Nước Chiêm-thành còn để lại những dấu tích rực-rỡ của người xưa, là những tháp bằng gạch, trang-điểm bằng những thứ chạm đá sỏi, lề-lối và kiểu-mẫu rõ-ràng của Ấn-độ; trong tháp có những pho tượng Bà-la-môn hoặc pho tượng Phật. Những tháp hệ-trọng nhất là tháp ở Mỹ-sơn, Trà-kiệu và Khương-mỹ, thuộc tỉnh Quảng-nam, những tháp ở tỉnh Bình-định, tháp Pô Nagar ở tỉnh Nha-trang, xây vào khoảng thế-kỷ thứ bảy và thế-kỷ thứ mười-hai sau Thiên-chúa. Cái lề-lối của Ấn-độ sau mất dần đi, mỹ-thuật lại quay về lề-lối của người bản-thổ.

***

Người Việt-Nam không bao giờ đành lòng chịu ở dưới quyền người Tàu. Trong mười thế-kỷ nội-thuộc từ năm 111 trước Thiên-chúa đến năm 938 sau Thiên-chúa, người Tàu phải dẹp nhiều phen loạn-lạc. Kỳ đầu tiên, hệ-trọng hơn hết, có hai người đàn bà, là hai bà Trưng, con một vị Lạc-tướng (năm 40 sau Thiên-chúa), làm cho Mã-Viện phải sang đánh (năm 43 sau Thiên-chúa), rồi bắt nước Nam theo hẳn nước Tàu về đường cai-trị, học-hành.

Những quan cai-trị của Tàu phải chống giữ quận huyện nước Nam với bọn Mã-lai ở ngoài bể vào cướp năm 767, rồi đánh nước Nam-chiếu (là nước Thái ở phủ Đại-lý, tỉnh Vân-nam) từ năm 862 đến 866; còn nhiều phen phải chống với Chiêm-thành, nhất là vào năm 446 và năm 605.

Nhà Đường mất, bên Tàu loạn, nước Nam thoát vòng nội-thuộc vào khoảng giữa thế-kỷ thứ mười; thế rồi có các triều vua ta lên cầm quyền, như Đinh (968-980), Lê (980-1009), bấy giờ nước Nam mới thực-hành với các nước láng giềng phía nam cái chính-sách mở rộng bờ cõi. Đến đời Lý (1009-1225), đời Trần (1225-1400), người Chiêm-thành phải lùi xuống mấy tỉnh miền Nam; ở đây lại bị người láng giềng phía tây công kích là người Cao-miên.

Vào nửa dưới thế-kỷ thứ mười ba, quân Mông-cổ sang xâm-phạm nước Nam, thắng lợi chẳng được bao lâu, làm cho người Nam với người Chàm giải hòa được một hồi. Hết cơn nguy-biến, Nam với Chàm lại đánh nhau dữ dội hơn đến đời Chế-bồng-nga (1360-1390) mới nổi lên một phen cuối cùng, rồi phải nhường hết tỉnh này đến tỉnh khác cho người Nam, tức là cả đất Trung-kỳ bây giờ. Thế là nước Chiêm-thành cứ bị nhấm dần từ phía bắc, rồi mất hẳn tên trên bản-đồ Đông-dương. Ngoài những ngôi tháp hiện chỉ còn từng chòm người một; từ thế-kỷ thứ mười-lăm những người này đã theo đạo Hồi như người Mã-lai là anh em cùng giống (Lược-dịch bài G. Cœdès, *Les civilisations de l'Indochine*).

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN TỐ

Muốn mua lại những số báo **LOA** *này:*

2, 7, 8, 17, 35,
55, 60, 73, 75.

Ai có xin cứ đem lại tòa báo Tri-Tân.

VÌ DỌN NHÀ IN

Tuần lễ sau, Tri-Tân vì phải dọn nhà in, tòa soạn và ty trị-sự đến ở cả số nhà 95—97 phố Chanceaulme, Hà-nội; công-việc xếp-đặt không thể chốc-lát xong ngay được, nên bất-đắc-dĩ phải nghỉ một kỳ báo. Vậy số 100 sẽ ra nhằm ngày 24 Juin 1943. Vậy xin các bạn quý-mến lượng-thứ cho. Vạn tạ.

Lại mong, sau khi dọn nhà, các bạn có gửi thư từ bài-vở, xin cứ đề theo địa-chỉ mới ấy.

TRI-TÂN

LỊCH-SỬ KÝ SỰ

VIỆC THÂU PHỤC NƯỚC THỦY-XÁ VÀ HỎA-XÁ

Số 2

HOÀI - DŨNG

Phong-tục hai nước Thủy-xá và Hỏa-xá có nhiều cái lạ. Hai nước ở gần nhau, dân-gian vẫn thường qua lại trao đổi đồ-vật, nhưng quốc-vương không bao giờ dám hội-kiến nhau. Họ tin rằng hễ thấy nhau thế nào cũng một người bị chết, vì tuy họ không có học thuyết ngũ-hành sinh-khắc, song họ vẫn cho là thủy hỏa bất hợp.

Ở nơi sơn-dã, quốc-vương cũng như thường dân, sống một cuộc đời hết sức bình-dị. Cung-điện chỉ là mấy tòa nhà tranh rộng-rãi trong bày-biện qua loa mấy cái giường tre. Quốc-vương ra vào, hầu cận chỉ có mươi người. Triều-phục chỉ có mấy cái xiêm dài đến bắp vế mặc để hở đùi. Quốc-sự thường không có, vua chỉ thỉnh-thoảng vào đền cúng lễ cho dân, mỗi khi họ bị tật bệnh đến cầu. Vua không bắt dân nạp thuế, mỗi lần có cần đến thứ gì thời dân dâng-tiến. Lúc vua thăng-hà, ngôi báu chỉ truyền lại cho em hoặc cháu, nếu không có em, không có cháu, bất đắc dĩ phải truyền lại cho con, đó là một đều bất-lợi cho nước nhà, cho dân gian.

Dân hai nước đều theo chế-độ mẫu-tộc. Trai gái được tự-do lựa chọn đôi-lứa, một khi đã ưng nhau, [illegible]à trai mang heo rượu đến nhà [illegible] mời thân-thích đến uống rượu [illegible] mùa rồi ở rể bên nhà gái. Việc tang-tế của họ cũng rất [illegible]người chết để trên một chiếc [illegible] tre, trong miệng bỏ đầy một [illegible]ơm, mỗi người bà con đến điếu lại móc nắm cơm ấy ra, bỏ nắm cơm khác vào, luôn trong ba ngày như vậy, lúc ấy họ tin người chết đã thành ma, sẽ bảo vệ cho gia-đình của họ, họ mới khiêng cả chõng tre đi chôn, thi-thể vẫn để ý như cũ không bỏ vào quan-quách gì cả.

Trình-độ tri-thức của dân-gian còn hết sức kém, chỉ biết ngày đêm, chớ không biết năm tháng, họ chỉ lấy mùa lúa chín làm một thời-gian mà tính; kịp đến khi Chúa Nguyễn truyền cho ba năm phải cống một lần, họ cứ tính mỗi mùa lúa chín là một năm, mà một năm hai mùa lúa chín, thành thử mấy lần đầu mới một năm rưỡi họ đã xuống cống một lần. Mỗi khi họ có việc gì cần phải ghi nhớ, như vay mượn tính-toán, thời họ phải lấy giây thắt từng nút một để nhớ.

Về đời Gia-Long, sứ hai nước xuống nạp cống-phẩm ở Phú-yên. Đầu đời Minh-Mệnh, vua Hỏa-xá là Ma-Ất (đời Minh-Mệnh chép là Thủy-xá, Thiệu-trị nguyên niên mới cải-chính lại là Hỏa-xá) sai sứ xuống nạp cống-phẩm ở đồn Phú-sơn. Ma-Ất chết, dân cử người em là Ma-Mô lên nối ngôi, Ma-Mô chưa kịp sai sứ xuống cống thời bị bệnh chết. Người em là Ma-Lam lên nối, muốn theo quốc-lệ xuống triều-cống, nhưng không làm sao kiếm ra được sứ-giả biết thạo đường lối.

Năm kỷ-sửu (1829), vua Minh-Mệnh thấy hai nước không xuống cống, liền hạ Chỉ sai viên đội tỉnh Phú-yên là Nguyễn-văn-Quyền lên xem xét tình-trạng. Nguyễn-văn-Quyền lặn-lội vượt qua bao chỗ rừng núi hiểm-trở mới lên đến nơi đô-thành. Ma-Lam thấy sứ lên rất mừng rỡ, vội vàng sai Ma-Diên, Mạ-Xuân mang cống phẩm theo Quyền xuống nạp. Vua Minh-Mệnh truyền cho Phú-yên tỉnh-thần phải hậu-đãi sứ-giả ban cho Ma-Lam hai mươi súc sô sa, và cho Ma-Diên, Ma-Xuân bạc lượng cùng vóc lụa.

Năm tân-mão (1831), sứ Hỏa-xá xuống Phú-yên nạp cống phẩm, vua Thánh-tổ cho triệu về kinh bệ kiến.

Sứ vào chầu, vua ban hỏi: « Việc triều-cống là do quốc-vương nhà người thành-tâm, hay là do đồng-dân nguyện ? » Sứ qui tâu: « Việc triều-cống là do chúa tôi thành-tâm, vì mỗi lần cống phẩm nạp xong, thời nhân-dân được bình-an vui vẻ, và mùa-màng được tốt bội phần. » Vua Thánh-Tổ ban khen và truyền cho cứ ba năm cống một lần... Cống-phẩm là một cặp ngà voi, một cặp tê-giác.

Năm giáp-ngọ (1834), sứ Hỏa-xá xuống cống, vua cho triệu về kinh, cho bận áo mão quan thất-phẩm, bắt tập lễ bái cho hợp phép rồi vào triều yết. Vua lại sắc tứ cho quốc-vương Hỏa-xá là Ma-Lam tập tính Vĩnh-Bảo. Vĩnh-Bảo mất, người cháu tên Liệt lên nối ngôi, vua phong cho là tân-tự-vương, để, theo như lời Chỉ, « tỏ lòng nhân-đức lễ-nghĩa của nước lớn đối với nước nhỏ. »

Năm canh-tí (1840), nhân lễ ngũ-tuần đại-khánh, vua Thánh-Tổ truyền cho sứ Hỏa-xá vào cống,

rồi tặng cho rất nhiều vật báu đem về. Lúc bấy giờ Trấn-tây quan là Trương minh-Giảng dâng sớ tâu rằng ; ở miền huyện Sơn-tịnh có quốc - vương Thủy - xá thường sai người qua lại cho đồ-vật. Trương minh-Giảng cũng đưa đồ-vật tặng lại và dụ về hàng. Ngoài các đồ như ngà voi, tê-gác, vua Hỏa-xá lại tặng cho một vật lạ là một bầu vừng 1 bầu gạo trắng 1 phiến sáp ong to. Trước khi đem cho, vua dùng phép đọc thần-chú, hơ miếng sáp ong cho nóng, in năm ngón tay lên trên, đoạn sai người đem tặng và dặn rằng ; hễ khi nào gặp cuồng phong, tật vũ, hoặc đại-hạn hoặc binh-đao, thời dùng sáp ấy làm thành hai cây đèn lớn, đốt lên cầu, rồi hô Hỏa-vương, Thủy-vương đến cứu, đoạn lấy một nắm gạo và mè vừng ném tung ra, như vậy thời được thoát khỏi tai nạn.

Vua Thánh-Tổ nghe tâu, liền hạ Chỉ sai Trương minh-Giảng phái người lên dò xét địa-thế diện tích nước Thủy-xá thế nào rồi làm sớ tâu vua rõ. Việc sắp làm thời ở Trấn-tây có giặc, phải đình lại. Vua Thánh-Tổ lại hạ Chỉ sai Phú-yên tỉnh - thần phái Lê-van-Quyền bá-hộ ở gần đồn Phú - sơn là người thông-thạo tiếng mọi lên xem xét tình-hình hai nước. Lê-văn-Quyền mang đồ-vật đi theo để lên tặng hai vua và để mua chuốc lòng tin.

Lê-văn-quyền lần-mò lên đến tận đô-thành Hỏa-xá trải bao sự gian-nan kinh-khủng dọc đường. Gần đến nơi, Lê-van-Quyền sai người báo tin cho Hỏa-vương biết trước. Theo một tên man-đinh dẫn đường, Lê-văn-Quyền thoạt tiên đi vào một toà nhà tranh lớn, chính giữa đặt giường tre, hai bên treo chiêng trống, đồng-oa v. v... trông tuy giản dị sơ-sài song cũng có cái nghi-vệ một chỗ ở của ông chúa sơn-lâm. Lê-văn-Quyền chưa kịp ngồi thời đã thấy hai mươi tên man-đinh, sừng-sộ cầm đoản đao mang đến để trên giường tre, một chóe rượu, một bó ống trúc, một con heo to và ba khối mối trắng, người nào cũng trừng-trừng trông Lê-văn-Quyền một cách rất dữ tợn, rồi rủ nhau hò hét làm thịt heo, rồi ngồi chờ quốc-vương ra.

Một lúc sau, quốc vương bận xiêm ngũ-sắc đi ra. Bảy mươi tên man-đinh bận toàn đồ trắng, bịt khăn trắng, đủi đề truồng đi theo hầu. Quốc-vương cùng Lê-văn-Quyền phân vị chủ khách ngồi trên giường tre, mỗi người ăn ba miếng thị, đặt ống trúc vào chóe rượu uống, ở hai gian nhà hai bên chiêng trống nổi lên tưng-bừng. Bốn tên man-đinh ra chính giữa sân nhảy múa, một tên thời qui xuống vỗ đít đánh nhịp. Ăn uống xong, quốc-vương mới mời Lê-văn-Quyền ngồi lại gần để đàm-phán quốc-sự...

Thủy-xá và Hỏa-xá cứ theo lễ triều-cống ba năm một lần, mãi đến đời Tự-Đức mới thôi. Nước Thủy-xá lớn hơn, cống một cặp ngà voi, một cặp sừng tê, còn nước Hỏa-xá nghèo chỉ phải cống một chiếc ngà voi, một chiếc sừng tê mà thôi.

***

Năm 1893, nhà cổ-học Odendhal, nhân-viên trường Viễn-đông Bác cổ, nguyên công-sứ, đi thám hiểm dò xét hai nước ấy. Công việc thám-hiểm rất khó - khan nhiều lúc suýt nguy đến tính mạng. Mười hảm sau, theo lệnh quan Toàn quyền, Odendhal lại đi thám-hiểm ở xứ Lào dọc theo đường ở Phú-yên (Cung-sơn — Cheoreo) Lúc bấy giờ miền Mọi đang loạn vì ở mặt tỉnh Bình-định, quan Giám binh Vincillioni đang đem quân đánh bọn Mọi thường hay xuống cướp phá các làng an-nam ; vì vậy khi Odendhal đi đến Paleo-Chu, viên một đồn ở đó muốn sai một toán quân đi hộ - tống, nhưng Odendhal không nhận. Thấy viên đồn sợ bị trách nhiệm Odendhal liền viết một miếng giấy chứng thực (1) đưa cho viên đồn. Odendhal không nhận binh hộ tống vì sợ bọn Hỏa-xá thấy người mang khí-giới tưởng là lên đánh giết chúng nó rồi việc khảo cứu nhân-dân thủy-thổ, phong-tục càng thêm khó-khăn.

Odendhal vào tận chỗ vua Hỏa xá ở. Vua Hỏa-xá là Euil-At lem

(*Xem tiếp trang 23*)

ĐÃ CÓ BÁN

Một quyển sách mà ai ai cũng nên đọc, dầu là người mạnh, người phổi yếu, người bị lao.

BINH HO LAO

những phương pháp ngừa lao, săn sóc người phổi yếu và tiếp dưỡng người bị lao
Giá 4$00

của Bac-si LÊ-VĂN-NGÔN

TỔNG PHÁT HÀNH :

Hanội : *Hiệu sách Đông Tri 195 Hàng Bông*
Huế : *Hiệu sách Văn Hoa 29 Maréchal Pétain*
Saigon : *Nhà sách Nguyễn khánh Đàm, 12 Rue Sabourain.*

Có in ít bản giấy đẹp hạ hạ Xin hỏi nơi Ông Nguy Khánh Đàm

QUYỂN THI VĂN BÌNH CHÚ

Số 10

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

VI. — *Phan-thanh-Giản (1)*

« Năm Tự-đức thứ 19 (1866) cụ Phan thanh-Giản lại lấy cớ bệnh già xin nghỉ. Vua quở rằng : « Vừa mới trông mong, chưa xong việc ! Lão-thần là người kiến-thức, sao lại nói thế ? »

« Tháng nam nam Tự-đức thứ 20 (1867) phái-viên nước Pháp đem thuyền quân đến bến Vĩnh-long, sai người đưa thơ, bảo nhường nốt ba tỉnh Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên. Cụ Phan-thanh-Giản đi thương-thuyết, không xong. Cụ mới xin với phái-viên chớ làm kinh-động nhân-dân ; những tiền và lương hiện chứa ở kho, xin để quan ta trông coi : quan Pháp bằng lòng. Được một lúc cụ trở về, thì quân Pháp đã bốn mặt vào thành. Chợt có tin báo hai tỉnh An-giang và Hà-tiên cũng thế : không đầy năm ngày ba tỉnh kế tiếp nhau thất thủ. Cụ Phan-thanh-Giản tự nghĩ là vô-công, đem số tiền lương của ba tỉnh hiện còn trừ vào tiền bồi-thường một tram vạn đồng, rồi đem áo triều, ấn tín và di-sớ về nộp vua. Sớ rằng : « Nay gặp thời gian-bĩ : việc dữ khởi ở trong cõi, khí xấu hiện ở biên-thùy ; việc cõi Nam-kỳ một chốc đến thế này, không thể ngăn-cản nổi, nghĩa đáng chết, không dám sống dà-thả, để cái nhục cho quân-ụ. Đức Hoàng-thượng rộng xét a nay, biết rõ trị loạn : người ân kẻ hiền, trong nước cùng ng giúp đỡ, kính cẩn phép trời, ư ong người cùng khổ, lo trước tính sau, đổi dây thay bánh, thế-lực còn có thể làm được. Tôi tới lúc tắt nghỉ, nghẹn-ngào không biết nói sao, chỉ gạt nước mắt tỏ lòng quyến-luyến, trông mong khôn xiết. » Rồi không ăn, uống thuốc độc chết. Năm ấy cụ 71 tuổi.

« Năm Tự-đức thứ 21 (1868), truy tước, chức, hàm của cụ, xóa tên trong bia tiến-sĩ. Đến năm Đồng-khánh thứ nhất (1886), mới cho khai phục nguyên-hàm, dựng bia như cũ.

« Cụ Phan-thanh-Giản là người ngay thẳng hiền-lành, giữ lòng liêm-khiết, làm quan siêng-năng cẩn-thận, gặp việc dám nói, thờ ba triều vua, vốn được vua yêu mến. Kịp khi cầm cờ tiết vào Nam, thế không làm gì nổi, biết tội tự xử mình. giá vào người khác thì thực khó : xem di-sớ, lòng trung ái đầy dẫy ở lời nói. Vả lại học nhiều lời rộng : đức Dục-tôn Anh-hoàng-đế (Tự-đức) mỗi khi thong-thả, cùng các quan bàn làm văn, thường khen cụ là bậc cổ-nhã. Những danh-thần ở đất Nam Trung sau này ít người hơn được. Bình-sinh trước-thuật, có *Lương-khê thi văn tập* lưu hành ở đời.

« Cụ được hai người con : con lớn là Thanh-Liêm làm quan đến thượng-thư, con thứ là Thanh-Tôn làm quan đến hồng-lô tự thiếu khanh. Con Thanh-Liêm là Thanh-Khác được ấm-thụ, dần dần làm đến viên-ngoại-lang ở viện cơ mật. »

Tiểu-sử cụ Phan-thanh-Giản theo trong *Đại-Nam chính-biên liệt-truyện* (quyển 26, tờ 29 a-30 b) thì chép như thế : tuy là sơ lược, nhưng cũng đủ truyện. Ông Ngô Tất-Tố không biết theo, nên chép sai : như trang 124 (quyển *Thi-văn bình-chú*, II) ông nói : « Năm Tự-đức thứ 15, khi mà quân Pháp-lan-tây và quân Tây-ban-nha lấy mất ba tỉnh Định-tường, Biên-hòa, Vĩnh-long... » : tỉnh Định-tường và tỉnh Biên-hòa thất thủ từ năm trước, là năm Tự-đức thứ 14, tức năm 1861 (xem Nguyễn-bá-Trác, *Hoàng-Việt giáp-tí niên biểu*, quyển hạ, trang 207-208 ; P. Cultru, *Histoire de la Cochinchine française, des origines à 1883*, trang 78). Đến năm Tự-đức thứ 15 (1862) quân Pháp mới lấy tỉnh Vĩnh-long, nhưng sau khi ký hòa-ước (ngày 5 Juin 1862), lại trả Vĩnh-long cho vua ta, cụ Phan-thanh-Giản đổi làm tổng-đốc Vĩnh-long ; mãi đến năm 1867) (Tự-đức thứ 20) mới nhường nốt với tỉnh Châu-đốc Hà-tiên.

Những tập văn thơ của cụ Phan-thanh-Giản, ông Ngô Tất-Tố cũng chép thiếu và chép sai. Hiện Trường Bác-cổ sưu-tầm được những quyển sau này : 1, *Lương-khê văn thảo*, số A 292 là một tập văn chữ Hán, trường Bác-cổ sao lại được 141 tờ : từ tờ 1 đến tờ 50 trùng với tập *Lương-khê thi văn thảo* là sách in. — 2, Sách *Lương-khê thi văn thảo*, số A 2125, có bốn tập : tập một và tập hai là thơ, tập ba là văn, tập bốn là bổ-di, có bài tựa của cụ Thương-sơn, tức Tùng-thiện quận-vương Miên-Thẩm, đề năm Tự-đức thứ 19 (1866), in năm Tự-đức thứ 29 (1876), do Tùng-thiện quận-vương xuất bản. — 3, *Sứ-trình thi-tập*, số A 1123, sách viết, là tập thơ chữ Hán khi

cụ đi sứ Tàu năm Minh-mạng thứ 13 (1832).

Cụ Phan-thanh-Giản còn đứng đầu Sử-quán làm bộ *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục*, và bộ *Khâm-định đối sách chuẩn thằng* là một tập văn làm mẫu cho cử-nhân thi hội.

Còn những bài thơ nôm mà ông Ngô Tất-Tố sao lại sai-nhầm thiếu-sót thế nào, *Tri-Tân*, số 89, 96 và 97, đã đăng rõ, tôi chỉ thí-dụ bài Tuyệt mệnh thứ hai là bài của ông Nguyễn đình-Chiểu (tác-giả quyển *Lục-vân-Tiên*), mà ông Ngô Tất-Tố chép là của cụ Phan-thanh-Giản! Bài thơ ấy có chữ Ngao-châu là tên bãi chỗ cụ ở, thế mà ông Ngô Tất-Tố « chú dẫn » là « cối của cá ngao, chỉ về những xứ loạn-lạc »! Lại có câu « Minh-tinh chín chữ », ông Ngô Tất-Tố « chú dẫn » chỉ viết có bảy chữ, là « Hải nhai lão thư sinh chi cữu », dẫn cả chữ nho, cũng chỉ có bảy chữ! Có lẽ ông Ngô Tất-Tố đếm kiều Chiêu-Hồ Xuân-hương! Chín chữ ấy, người ta có tìm thấy trong di-bút của cụ Phan-thanh-Giản như sau này: « Minh-tinh thỉnh tính, nhược vô, ưng thơ: « Đại-Nam hải nhai lão thư-sinh tính Phan chi cữu », diệc dĩ thử chi mộ », Nghĩa là « Minh-tinh xin bỏ; nếu không chịu bỏ, thì nên viết thế này. « Cái cữu của người học-trò già ở góc bể Đại-Nam là họ Phan », mộ-chí cũng để như thế ». Sở-dĩ gọi là chín chữ là tính từ chữ « Đại-Nam hải-nhai lão thư-sinh tính Phan ». Cứ như thế là cụ dạn bỏ minh-tinh, bất-đắc-dĩ hãy viết, chứ không phải như lời ông Ngô Tất-Tố nói cụ « tự tay viết sẵn chín chữ Hải nhai lão thư sinh chi cữu (Linh cữu của người học trò già ở bờ biển) để làm lòng minh tinh ».

Nói tóm lại, từ tiểu-truyện đến sao-lục văn thơ và chú-thích dẫn-giải, ông Ngô Tất Tố làm rất dối-dá, đã không bổ ích gì, lại thêm hại nữa, vì nhầm-lẫn nhiều quá, mà toàn là những chỗ hệ-trọng, như bài ông này sao cho ông kia, việc năm trước chép vào năm sau, tên đất nọ dẫn ra tên đất kia, v. v.!

(*Còn nữa*)

Ứng hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

1) Tri-Tân, số 97 trang 4, đăng chỗ quán-chỉ của cụ Phan-thang-Giản, in nhầm mất mấy chữ, nay tôi lấy quyển Khoa-bảng lục hợp biên (sách in bằng chữ nho, tờ 4 a) dịch ra sau đây, để độc giả đủ tài liệu khảo-cứu: « Cụ Phan-thanh-Giản, người thôn An-thịnh-hoà, huyện Vĩnh-bình phủ Định-viễn, trấn Vĩnh thanh (Vĩnh-thanh sau đổi Vĩnh-long.»

學醫東亞

Muốn nghiên-cứu khoa thuốc á-đông, nên mua ngay:

Sách thuốc Việt-Nam. .	3$50
Tính các vị thuốc. . .	3 00
Khoa thuốc xứ nóng. .	2 00
Khoa chữa Phổi. . . .	1 00
Khoa chữa mắt. . . .	1 00
Khoa chữa trẻ con. . .	0 80
Ngoại khoa.	1 00
Sinh lý học.	1 00

cước quyển lớn 0$69, nhỏ 0$30.

Hỏi: *M. Nguyễn-xuân-Dương Lạc-long 22 Tientsin Hanoi.*

Hiếu thượng

(*Tiếp theo trang 3*)

Hồi đầu Trần sở-dĩ lập được võ-công oanh-liệt như vậy, là vì vua-chúa gây được cái hiếu-thượng *cao-khiết, hy-sinh*, hoàng gia gây được cái hiếu-thượng *hữu ái, nhất thể*, quốc dân gây được cái hiếu-thượng *phấn đấu vì nước*. Coi vậy, vấn-đề hiếu thượng há chẳng có ảnh-hưởng lớn đến vận trị võ công, dân sinh quốc kế lắm sao?

HOA-BẰNG

(1) Trong truyện « Nguyễn Bình Khiêm » ở sách Hả dương phong vật chí của Trần Đạm Trai làm năm tân-mùi niên hiệu Gia long thứ mười (1811) có chép: «...(Cụ Nguyễn Bình Khiêm) có làm rất nhiều thơ phú và những bài bằng quốc-âm. Nay có Bạch vân am thi tập di cảo, Khuyến học ca và Trung tân quán phú hành thế »

(2) Dịch nghĩa ra văn xuôi:

Có người khuyên ta nên làm ruộng sinh nhai bằng nghề nông, xem đằng nào hơn?

Ta đáp: làm ruộng có lúc được mùa, có lúc hỏng, chứ « cày ruộng sách » thì từ xưa đến giờ không năm nào là mất mùa cả.

Có người khuyên ta chăm vườn được, trồng cây lạ, hoa kỳ có thú vị mãi mãi.

Ta đáp: làm vườn trên mặt giấy thì thật rộng rãi, tha hồ trồng quế để lấy nhiều cành thơm tho.

Có người khuyên ta học làm thợ theo mực thước của Công Thâu và Ly Lâu xưa thì chắc khéo léo và đắng được việc

Ta đáp: tay thợ nhà nho mài cây rìu bằng bút, đẽo thành những rường cột của miếu-đường thì vẻ vang biết bao!

Có người khuyên ta học đi buôn, mở cửa hàng buôn bán phố phường thì sẽ thu lợi đầy nắp hòm.

Ta đáp: chi bằng buôn bán nghề nho, cứ treo cao giá ngọc trong rương khi gặp thời, đem cho vua-chúa thì sẽ đắt.

(3) Có lẽ là thứ súng hỏa-m

NHÀ VĂN HIỆN ĐẠI

(*Quyển hai*)

Của Vũ Ngọc Phan

Số 2

KHIẾT PHỦ

Hoặc về mấy câu thơ khác:

« *Một con gà* mái *con,*
« *Chẳng nghe lời mẹ* bay
« *Xa chuồng đi hóng mát*
«*Nghĩ mình sung sướng thay*»

(Nguyễn-văn-Ngọc)

« *Chữ « bay » dùng đây là chỉ để có thể hạ mấy chữ « sung-sướng thay » thôi chứ đã nói: « một con gà » thì không thể dùng hai chữ « mẹ bay » để chỉ mẹ nó được* » (N. V. H. Đ. II trang 110).

Tôi hãy xin nói: đây ông Vũ ngọc-Phan nhầm, tác-giả bài thơ ngụ-ngôn trên này không có ý dùng chữ « mẹ bay » để nói « mẹ nó » Mấy câu thơ ấy có nghĩa như sau này:

« Một con gà mái con, chẳng nghe lời mẹ, *bay xa* chuồng đi hóng mát... ». Chắc có người bảo con gà mái con thì « *bay* » thế nào được. — Xin giả lời rằng con gà mái con đây đã đủ lông (vì nhận thấy là con gà mái) nếu nó không bay được xa như con chim cũng có thể bay gần và ta phải hiểu chữ *bay* như thế để đừng đem nhiều lỗi về cho mấy câu thơ của một nhà văn đã quá-cố.

Chỉ vì thấy Vũ quân hay chú ý những điều tỉ-mỉ quá, có một văn đã bảo tôi: « Đọc bài Trần trọng Kim » trong *Nhà văn hiện đại II* tôi chỉ nhớ ông Trần trọng Kim là một nhà văn đã có lần nhầm cái *lý thái cực* với cái *lý vô cực*, nhầm nghĩa chữ *quân* với *quân quyền* ». Anh bạn đã khôi-hài nhưng trong sự khôi-hài ấy có một phần lý-thú, nó đã tỏ được sự khó chịu của người đọc cứ phải cùng Vũ quân đi tìm *chữ nhầm* trong những văn nghiệp có hàng chục pho sách gồm hàng nghìn hàng vạn trang.

***

Ông Vũ ngọc Phan cho rằng nhà phê-bình không phải:

— Xét tác-phẩm của các nhà văn qua thân thế của nhà văn;

— Tìm cho ra những tôn-chỉ và lý-thuyết về văn-học của mỗi nhà;

— Nghị-luận cho có sự liên-lạc giữa nhà van nọ với nhà văn kia...

Ông cho đó là công-việc của nhà văn-học-sử. Theo thiển ý thì công việc của nhà phê-bình và nhà văn-học-sử không phân-biệt rõ ràng như thế, Những công việc kể trên tuy là của nhà văn-học-sử, nhưng nhà phê-bình cũng không nên bỏ qua. Hơn nữa, không được bỏ qua. Vì nghĩ thế, nên tôi ước ao rằng khi đọc bài phê-bình « *Trần-trọng-Kim* » chúng tôi không phải theo tác-giả xét lại những sự lầm lẫn nhỏ ông Trần đã « chữa lại rất cẩn thận » mà được thấy tác giả đứng xa những tác-phẩm của ông Trần đem con mắt tổng-quát nhìn những tác-phẩm ấy!

Tại sao ông Trần lại soạn những bộ *Nho giáo, Việt-nam sử lược, Việt-nam văn phạm*? Giữa những tác phẩm ấy có sự liên-lạc mật thiết gì không?

1·) Soạn bộ *Nho giáo*, tác giả muốn vẽ lại cái « bản đồ một ngôi nhà cổ rất đẹp, lâu ngày không ai sửa-sang để đến nỗi bị cơn gió bão đánh đổ bẹp xuống »...

« Song cái nhà cổ ấy, tự nó là một bảo-vật vô giá, không lẽ để nó đổ nát đi mà không tìm cách giữ lấy cái di-tích. Không gì nữa thì ta cũng phải vẽ lấy cái bản đồ để sau biết rằng cái nhà ấy khi xưa đẹp đẽ là thế mà sau đổ nát là thế ». (Tựa *Nho giáo*).

Cái nhà ấy là cái nhà của mình, cái nhà nó đã làm cho dân-tộc ta là dân-tộc ta, giữ được nó tức là giữ được cái tinh-thần của ta, cái *gốc* của ta, như ông Trần đã nói.

2·) Soạn bộ *Việt-nam sử lược* cũng vậy. cũng không ngoài mục-đích bảo-tồn lấy những cái thuần-túy của mình, những cái nó hợp lại thành cái tinh thần của dân-tộc mình.

Ông đã nói: « Người trong nước mình mà không hiểu sự-tích nước mình có khác nào trong gia-đình mình không biết ông cha mình... không biết thì yêu nước, yêu nhà thế nào được? »

3·) Tôi có thể viện những lẽ trên để chứng tỏ cái mục-đích quốc-gia của ông khi ông soạn bộ *Việt-nam văn-phạm*.

Tôi còn nhớ trên tờ Tri-Tân *này,* (1) *đã có lần ông Trần tuyên bố đại khái: « Tôi tưởng người Việt-nam ta ngày nay nếu có còn cái gì thì chỉ kể được cái hương hỏa về tinh thần (văn hóa, lịch sử, từ ngữ) của tổ tiên ta để lại. Cái hương hỏa ấy tức là cái gốc của ta. Bổn phận của ta là phải vun đắp thế nào để giữ lấy cái gốc ấy mãi mãi. Được như vậy*

thì dù ở vào cảnh-ngộ nào ta cũng không lo một ngày kia ta không có một tương-lai. »

Đó, sự liên-lạc của những tác-phẩm của ông Trần-trọng-Kim là thế. Tôi chắc chẳng riêng gì tôi mà phần đông độc-giả đọc một bài nói về ông « Trần trọng Kim » — hay nói về tất cả những sách của ông — cũng muốn được biết sự liên-lạc ấy hơn là biết rằng ông Trần-trọng-Kim đã dùng nhầm chữ gì ở trang nào trong quyển nào.

Và đây chỉ là một thí-dụ. Về những nhà văn Nguyễn văn Ngọc, Nguyễn văn Tố, Đào duy Anh, Phan Khôi... cũng thế.

Nói đến nhà văn Phan Khôi, tôi không thể không tỏ sự bất mãn của tôi khi đọc bài phê-bình về *Nhà văn hiện đại* này.

Ông Phan Khôi là người thế nào, có phải là một nhà văn có óc cách mệnh luôn luôn muốn lật đổ nền tư-tưởng cũ, nền văn chương cũ không? Ông Vũ ngọc Phan không cho ta biết.

Ông Phan Khôi là một nhà nho đã viết 21 bài đăng trong báo *Thần chưng* từ 3-10 đến 18-11-1929 để công kích Khổng giáo, và để, vì không thấy có tiếng vang-dội, « hai hàng nước mắt trào ra trên giấy. » Ông Vũ ngọc Phan cũng không nói đến. Có lẽ ông cho rằng bài nghị luận trên này chỉ là một bài đăng báo, không đáng chú ý.

Ông bỏ qua bài ấy, bài nó tỏ rõ nhất được cái cá tính của ông Phan Khôi, ông để giấy viết chê quyển tiểu thuyết *Trở vỏ lửa ra*, quyển tiểu thuyết mà có lẽ ông Phan Khôi viết là chỉ vì muốn bán lấy ít tiền. Cái phần sự nghiệp nó đã làm sống Phan Khôi có phải tiểu thuyết ấy đâu, mà là những bài nghị luận, tính bài công kích Khổng-giáo là một.

Tác giả *Nhà văn hiện đại* có thể giả lời tôi rằng ông đã nói đến T. V. L. R vì đây là một tiểu thuyết in thành sách còn 21 bài đang trong Thần chung tuy đủ giòng đủ chữ để in thành một tập sách dầy nhưng chưa hề in bao giờ. Nếu ông Vũ ngọc Phan phân biệt kỹ càng như thế, tôi cũng có thể giả lời : T. V. L. R. cũng chỉ là một tiểu thuyết đang báo (*Phổ thông bán nguyệt san* chỉ là tờ tạp chí) mà thôi.

Viết về ông Đào duy Anh cũng thế. Cũng cái lối phê bình tỉ mỉ nó làm cho tác giả không phân biệt được cái gì cần nói, cái gì có thể bỏ qua. Ông đã nói rất dài về quyển *Việt nam văn hóa sử cương*, ông cho chúng ta biết cả về việc Đào duy Anh nhầm tiểu thuyết *Nửa chừng xuân* là của Nhất Linh. Mà sở dĩ ông « *nói đến những tác phẩm của các nhà văn hiện đại* (thí dụ như quyển Nửa chừng xuân) *vì nó thuộc vào phạm vi quyển sách này hơn* (nhà văn hiện đại) *là những vấn đề kinh tế và xã hội mà Đào duy Anh đã nói đến* » (N. V. H. Đ. trang 183)

Tôi không đồng ý ấy, trong các lịch sử văn hóa của mấy tác phẩm *Nửa chừng xuân*, *Tôi kéo xe* không quan hệ gì. Nếu chỉ vì nó là những van phẩm thuộc phạm vi quyển sách của ông và rồi ông sẽ nói đến mà ông cho nó một địa vị, lấn áp cả kinh tế, xã hội, mỹ thuật v. v... thì không công bình tí nào.

Ông chú ý đến một sự sai lầm nhỏ, ở trong một tác phẩm để quên hẳn những tác phẩm khác. Ông chỉ kể tên nhưng không cho biết gì về tập *Phê bình Khổng giáo tiểu luận*, một tập văn nghị-luận có cái giọng trang nghiêm, lời văn sáng sủa. Trong loại nghị luận của văn học ta, theo thiển ý thì khó lòng tìm được một tập thứ hai có cái giá trị ấy.

***

Tôi có thể kể thêm nhiều sự tỉ mỉ và sự thiếu sót như trên, nhặt trong những bài phê bình Á nam, Tản-đà, Nguyễn-văn-Tố..., nhưng tôi tưởng việc ấy không cần, với những thí dụ đã kể, độc-giả đã có thể nhận được cái phương-pháp phê bình của tác-giả *Nhà văn hiện đại*.

Thật đáng tiếc. Với cái sự chăm chỉ của Vũ quân, đáng lẽ ta phải có những bài phê bình nó làm cho người bị phê bình và người đọc phải sửng sốt. Đằng này ta chỉ có một mớ tài liệu sưu tập khá công phu, với những lời phê bình không lấy gì làm mới lạ

KHIẾT PHI

Lời phụ

Ông Vũ-ngọc-Phan lấy tên sách là *Nhà văn hiện đại*; với cái nhan đề ấy đáng lẽ ông phải phê bình những nhà văn ấy *qua các tác phẩm*, « tìm cho ra những tôn chỉ và lý-thuyết về văn học của mỗi nhà..., phải nghị luận cho có sự liên lạc giữa nhà văn nọ với nhà văn kia để tìm cho ra phong trào văn học một thời... » (N.V.H. Đ. 281) mới phải. Nếu ông chỉ phê bình từng tác phẩm của mỗi nhà van — không kể đến sự liên lạc của những tác phẩm ấy — thì làm thế nào nhận rõ được cái đặc tính của mỗi nhà văn, định được cái địa-vị của mỗi nhà văn trong văn học việt-nam hiện đại. (Hết)

Non nước hỡi
Đầy ngậm phận truy tùy ngao ngán nỗi,
Đây than ôi Minh đế đã băng hà
Nơi quê người cảnh lạ nước non xa...
Sao lạ quá vừng dương còn chói lọi ?
Sao biển cả không tan thành hơi khói ?
Sao mây sầu không chăng kín khắp không gian ?
Sao muôn sông không dâng nước cả tuôn tràn
Cho ngập hết đồi cao cùng núi rậm ?
Sao rừng nặng không vang lừng muôn tiếng sấm,
Gió hung tàn không vứt ngả hết muôn cây ?
Sao vũ câu không điên đảo một cơn say,
Quả đất nặng không phun thành núi lửa ?
Cho dập hết không còn tươi sáng nữa,
Cho tắt nguồn rực rỡ của muôn sao,
Cho tan hoang Bắc đầu với Nam tào
Khi nghiệp lớn không còn mong thắng đạt.

Đến đây Như Tùng kiệt lực mắt lờ đờ ra rồi cùng dần dần gục xuống.

Âm nhạc : « Nam ai »

Xong đèn dịu dần rồi tắt hẳn cả ngoài lẫn trong Một khúc nhạc buồn vắng vẳng nổi... Cảnh nhà bà Hoàng phi lại bày ra. Đèn dần dần lên sáng, nhưng chỉ mờ.

Cảnh IV

Bà Hoàng-phi
Vua Lê (hiện về bao mộng)
Phạm thái ; Nhị nương
Âm nhạc « Xuân nữ oán »

Hoàng phi :
Giăng mờ phai bên tường đương nấn ná,
Tiếng côn trùng rỉ rách gợi sầu đêm ;
Đêm lặng lẽ âm thầm muôn tiếng lá,
Trong giờ đây ai thấu rõ lòng chim ?
Phòng cô đơn màn the buông tấm lưới,
Bóng đèn xanh như le lói tận xa xôi ;
Lời gió réo len qua mành rũ rượi,
Như lời than tiếng hận tự muôn đời.
Đêm pha sương, lòng ta sao thắc mắc ?
Sao rộn ràng, sao nức, sao bâng khuâng ?
Và sao lúc bông hoa đèn lay lắc
Hồn ta rung như biển nhớ ngập triều dâng...

(Hoàng phi thiếp dậy)

(Vua Lê bảo mộng, một tấm màn mỏng buông xuống ở phía trong)

Âm nhạc : Nam ai

Vua Lê :
Ái khanh ơi, đường phiêu linh hai ngả,
Trẫm bao lần đau khổ ở lân bang ;
Đã mấy thuở căm hờn trong nhục nhã,
Mong cơ đồ gây lại buổi hiên ngang.
Nhưng phi hỡi, trời ơi đau khổ quá,
Vận nhà Lê đà đến buổi suy vong ;
Thà biết trước thì thôi đừng nấn ná,
Khỏi rơi chìm trong những bước long đong.
Ái khanh ơi, ngày nay thôi vĩnh quyết,
Âm dương đành cách trở đôi nơi ;

Kịch dài bằng thơ

Phạm Thái

Viết theo « Tiêu-sơn tráng-sĩ » tiểu thuyết của Khái-Hưng

Số 6 PHAN-KHẮC-KHOAN

Và Hoàng-tử mà lòng khanh tha thiết
Nam trên đây lâm bệnh đã qua đời.

(Vua Lê biến đi. Tấm màn mỏng cuốn lên, đèn sáng dần dần, rồi Nhị nương và Phạm-thái vào. Bà Hoàng-phi tỉnh dậy ngơ ngác)

Nhị nương :
Xin lệnh bà sắm sửa việc hành trang
Để ngày mai ta đặt gót lên đường.

Hoàng phi :
Thôi em hỡi, còn mưu đồ chi nữa
Vì trời ơi, Hoàng-thượng đã thăng hà.
Đêm trước đây trong giấc hùng ghê sợ
Ngài đã về tin báo mộng cho ta.
Vui chi nữa, em, đời sống tẻ
Như đêm mờ trong kiếp vị vong nhân ;
Thà cùng thác cho khỏi sầu chia rẽ,
Xuống tuyền đài mong gặp gỡ tiên quân.

Phạm thái :
Xin lệnh bà đừng suy nghĩ phân vân,
Vì mê mải trong vòng thương, nhớ, tưởng,
Nên hình ảnh quân vương thường lưởng vưởng
Khi hồn mê say đạo chấn non tiên.
Trong đêm giải thao thức giấc cô miên...
Lệnh bà hãy tin rằng cơn ảo não
Trong tim nhớ âm thầm đương xốn xáo,
Là, áng mây sầu phơ phất thổi qua non
Khi sương mờ gió lịm buổi hoàng hôn,
Rồi mai nọ chân trời xa sẽ mở
Bầu xanh thắm cho vừng dương rực rỡ.
Sẽ tuôn đầy trong sáng ánh mai tươi,
Khi chim rừng reo hát khúc ca vui...

Hoàng phi
Vậy ta hãy cùng nhau lên xứ Lạng
Để mong đợi xem dò tin thánh thượng.

Phạm thái
Trên Lạng-sơn đã có Thanh-xuyên-Hầu
Đương trông mong chờ đợi những bao lâu,

Hoàng phi :
Thanh-xuyên-Hầu ?

Phạm thái .
Người nghĩa khí,
Con cụ Kiến-xuyên-Hầu, họ Trương, dòng chí sĩ.
Hiện đương làm trấn thủ tại biên cương,
Thường dò thăm tin tức của quân vương
Đã hứa giúp binh lương cho đảng trưởng

Hoàng phi :
Vậy ta hãy lên chờ tin Thánh thượng...

(Ba người ra đi, màn từ từ chuyển, khuất nhà bà Hoàng phi. Rồi trên màn vẽ ra một cảnh núi rừng tham thẳm).

LỚP THỨ BA

Cảnh I

(Đường đi xứ Lạng, trong lúc đi, cảnh từ từ chuyển).

Hoàng-phi, Nhị-nương, Phạm-thái

(Phía sau rừng có tiếng hát : « Ai lên xứ Lạng cùng anh... »

Nhị nương :
Đường xứ Lạng sương xa vờn bát ngát,
Rừng muôn cây buông rủ mái xanh tươi ;
Chân giời ửng màu hồng phơn nhẹ mát,
Đàn chim non ca đón ánh dương vui !

Phạm thái
Ánh dương vui đương lan vờn trên cỏ biếc,
Cành thơm non đương dịu ánh long lanh ;
Đây suối nhẹ đương buông lời luyến tiếc,
Bên sườn non muôn tỏa khói lam xanh.

Hoàng phi :
Khói lam xanh nhẹ vờn trên lá biếc
Như gió xui âu yếm quyện lòng ta ;
Như buông nỗi nhớ nhung thương tiếc,
Như hơi sương xa phủ cảnh ô tà

Phạm thái
Như buông nỗi nhớ nhung thương tiếc,
Như gió xui âu yếm quyện lòng ta,
Vì khói lam xanh mơ vờn trên lá biếc,
Như hơi sương xa phủ cảnh ô tà.

Nhị nương :
Như hơi sương xa phủ cảnh ô tà
Như gió êm khi dâng niềm ước vọng :
Dưới bầu xanh biêng biếc cảnh bao la,
Trông non nước vô cùng cao thẳm rộng,
Đương nâng lòng hy vọng ước mơ xa...

Phạm thái
Như nâng lòng hy vọng ước mơ xa,
Đây gió hùng đương cang rộng ánh bao la

Hoàng phi
Đường xa xôi buông dài niềm ái ngại,
Lòng bâng khuâng chân lạc bước phiêu linh,
Ven giời thẳm mây dày còn vướng lại,
Nguyện trời cao soi tỏ tấm trung trinh

Phạm thái :
Tấm trung trinh trải vờn lau lách rậm,
Rừng hoang vu khua rộn chí hiên ngang
Đỉnh đồi thẳm mây huyền lan nẻ dậm
Vừng trời xa, xa hẹn ánh vinh quang

Nhị nương :
Ánh vinh quang lòng ta đương náo nức,
Mong đợi ngày hưng phục lại giang sơn
Ôi hy vọng lòng ta đương th[illegible]
Quyết thề xin dâng hiến cả[illegible]

(Còn nữa)

PHAN-KHẮC-KH[illegible]

CHUYỆN XƯA CHÀM

CADÔP VÀ CADOEK

Mãn Khánh DƯƠNG-KỲ

MỘT phú-ông chết, để lại cho hai con-trai cái gia-tài khá lớn. Con trưởng tên là Kadôp, con thứ là Kadoek. Trong lúc em đi chôn cha, thì anh ở nhà giấu tất cả vàng bạc.

Khi Kadoek về, liền hỏi anh :

« Vàng bạc của cha để lại, anh cất đâu mà em không thấy, thưa anh ? »

« Tao không biết ». Kadôp trả-lời xong, thấy em không nói gì, liền tiếp :

« Cha mẹ mất, chỉ để lại cái nhà nầy. Tao đã có vợ, mầy thì còn ở quá ; vậy mầy đi nơi khác, để nhà cho tao ».

Kadôp lại còn chiếm cả trâu và ruộng tốt, chỉ cho em một con chó, một con mèo và mảnh ruộng hoang. Kadoek buồn-rầu ra đi. Vì không có trâu, nên bắt chó và mèo kéo cày. Ý hẳn hai con thú kéo cày không xong, nên Kadoek bèn đánh chó, chó khóc, đánh mèo, mèo rên.

Một cái hang đá ở gần đấy, thấy mèo rên, chó khóc, liền há miệng cười để lộ ra vô số vàng. Kadoek [illegible]ng làm, chạy đến lấy, đem về [illegible] Thôi thì chàng ta tậu ruộng, [illegible]râu, cất nhà ; kẻ ăn, người [illegible]hập ; kadoek trở nên giàu-[illegible]n hẳn cả anh.

[illegible]y thế Kadôp hỏi :

[illegible]ầy lấy gì mà mua ruộng trâu và thuê nhiều đầy-tớ như thế ? »

Kadoek liền kể lại sự-tình đầu đuôi. Kadôp nổi cơn thịnh-nộ, thẳng tay đánh em và mắng :

« Sao mầy không gọi tao đến lượm với, đồ quân ích-kỷ ! »

Bị đánh túi-bụi, Kadoek thưa :

« Vì xa nhà anh quá, em không kịp gọi anh ».

Đánh xong, để mặc em ngồi khóc, Kadôp giành lấy chó và mèo ; rồi trở về nhà, thuê mười chiếc xe trâu, đem vợ cùng gia-nhân đến chực sẵn bên hang đá để chở vàng.

Chàng ta cũng cày, cũng đánh chó, đánh mèo. Mèo rên, chó khóc. Hang đá lại há toác miệng cười. Thấy vàng, Kadôp ham quá, không kịp gọi vợ cùng gia-nhân, chạy lại thò tay vào lùa. Hang đá ngậm miệng lại, kẹp chặt tay Kadôp, không thể nào rút ra được.

Anh chàng đau-đớn, suy-nghĩ mãi, bèn gọi vợ đến bảo :

« Dầu anh có phải chết, thì em cũng đưa mặt cho anh hôn một cái đã nào ! »

Người vợ vâng-lời. Hang đá thấy thế bật cười. Kadôp rút tay ra được.

Chàng ta hấp-tấp tìm em, đánh cho một trận thừa sống thiếu chết. Kadôp vừa đánh em, vừa luôn mồm mắng :

« Đồ quân tham vàng, đồ quân vô-lá, mầy dám phỉnh tao, anh em mà không biết thương nhau ! » (1)

***

Đọc xong chuyện đời-xưa chàm trên nầy, ta không khỏi nhớ đến một chuyện của ta, cũng tương-tợ như thế. Cũng là chuyện hai anh em chia gia-tài sau khi cha mẹ chết. Anh chiếm tất-cả, chỉ cho em có mỗi một cây khế. Khốn-nạn thay, khế ấy có quả nào thì lại bị một con chim to-lớn đến ăn hết. Vợ người em thấy thế, liền to-tiếng phàn-nàn một mình :

« Chỉ có cây khế nầy, mà ngày nào chim cũng đến ăn hại, lấy gì mà độ-nhật bây-giờ ? »

Con chim bảo :

« Ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang, đi mà đựng. »

Tối lại, vợ kể lời chim nói cho chồng nghe. Anh chàng liền may túi ba gang đợi sẵn.

Sáng ngày, quả-nhiên chim bay đến, gọi đi lấy vàng. Anh ta liền xách túi, cỡi lên mình chim ; chim cất cánh bay đến một quả núi đầy vàng bảo lượm lấy. Khi túi đã đầy, chim lại cõng về nhà. Thế là người em trở nên giàu-có. Đến ngày giỗ cha, chàng ta làm cỗ linh-đình và sai con đến mời anh. Người anh bảo :

« Nhà cháu nghèo-nàn, cùng-quẫy làm gì cho xấu-hổ với làng, với nước ! Về bảo thầy cháu, nếu muốn mời bác, phải trải chiếu

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

cạp điều từ cổng nhà nầy đến nhà cháu thì bác mới lại ».

Người em, vốn hiền từ và thật-thà, cũng làm theo lời anh. Anh lấy làm lạ. Khi đến thì thấy em giàu-có thực, bèn hỏi duyên-cớ. Em thưa lại câu chuyện đầu đuôi. Người anh liền cho em tất cả nhà, vườn, ruộng của mình đã chiếm, và chỉ đòi lấy lại cây khế thôi. Em thuận.

Rồi vợ người anh thấy chim đến an khế cũng giả-vờ than-thở, và cũng được chim hứa sẽ đem đi lấy vàng Người anh đã may cái túi sáu gang chực sẵn. Khi được chim đem đến núi vàng, chàng ta chẳng những bỏ vàng đầy túi sáu gang, mà lại còn giắt không biết bao nhiêu vào mình nữa.

Trên đường về, chim phàn-nàn nặng, yêu-cầu bỏ bớt ít vàng, người anh vẫn khư-khư không chịu, đến nỗi chim nghiêng mình, anh-chàng tham-lam nhào xuống biển, ôm vàng mà chết. (2)

***

So-sánh hai chuyện, ta không khỏi thấy người Chàm có một quan-niệm về luân-lý kỳ-dị, khác ta xa xã làm cho ta khó chịu. Trong chuyện đời-xưa Việt-nam, người anh tham-lam bị trừng-phạt, người em hiền-lành được thưởng. Chuyện đời-xưa ấy có ý răn đời, khuyên anh em nên nhường-nhịn nhau nên thương-yêu nhau.

Thống chế Pétain đã nói :

« Hỡi các bạn thân qui, hãy đuổi sự ngờ vực ra khỏi cõi lòng, và cố bỏ những lời phỉ báng chua-chát. Hãy nghĩ đến vị Quốc-Trưởng yêu mến chúng ta, vì chúng ta mà vẫn đứng vững trước cơn giông tố ».

Chứ trong chuyện chàm, thì ta thấy những gì ? Người anh bạo-ngược vô-lương-tâm, vẫn được bình-yên như thường, đánh em trận nầy xong, rồi vẫn có cơ-hội và lý-lẽ để đánh em lần khác. Lý kẻ mạnh vẫn thắng, thắng một cách đường-hoàng !

Tại sao người Chàm lại có ý-nghĩ kỳ-quặc, vô-nhân-đạo như thế ? Phải chang là vì chuyện cổ-tích ấy đã sản-xuất ra sau khi nước Chiêm-thành bị diệt-vong ? Bị áp-bức đủ cách, bị giết và bị bắt làm tù-binh hàng chục vạn người, đất-đai, của-cải bỗng-nhiên vào tay kẻ mạnh. Sống trong hoàn-cảnh ấy, thì họ còn tin làm sao được rằng ở trên đời có thể có điều thiện, hễ có lý thì thắng, người làm lành thì được thưởng và người hung-bạo thì bị trừng-phạt ?

Tình nhân loại ư ? Tình huynh-đệ ư ? Đối với họ những danh-từ ấy đều rỗng-tuyếch, không có nghĩa lý gì, hoặc có một nghĩa rất mỉa-mai, cay-đắng. Họ chỉ thấy, thấy một cách đau-đớn, rằng ai mạnh thì hơn, ai yếu, dầu có lý mấy mười mươi, cũng thua, cũng chết.

Qua khỏi vẻ hài-hước của câu chuyện chàm kể trên kia, phải chang ta đã nghe thấy tiếng khóc não-lòng, rùng-rợn của một dân-tộc vì chịu bao nhiêu lần chiến bại, nên trong lúc ngoắc-ngoải trên huyệt đã khai, thì mất tất cả lòng tin-tưởng, dầu cho đến sự tin rằng ở trong lý-tưởng nhân-loại vẫn còn có điều thiện, điều lành ?

Mãn Khánh DƯƠNG KỲ

(1) Chuyện nầy có chép trong cuốn « Un royaume disparu les Chams et leur art » của Jeanne Louba.

(2) Chuyện nầy có chép trong cuốn « Âu-học luân-lý » của Đỗ-Thận.

Là người Việt-Nam ai cũng nên dùng :

Dầu hỏa Việt Nam hiệu Thiên Thần

do cha Chúc chánh xứ Tựu-Liệt Văn-điển (Hà-đông) sáng chế.

Thắp rất sáng, không khói, không nhờn, không hao, bấc không rắn lại, ngọn đèn không lụt đi

Dùng vào đèn dầu tây cũ. — Giá rất hạ.

Mua buôn, mua lẻ, xin hỏi **Agence Générale pour l'Indochine** là Tổng-Phát-Hành ở số nhà 58bis, phố Huế — Hanoi giây nói số 494

DANH NHƠN NAM-KỲ

TIỂU-SỬ

CỤ THỦ KHOA NGHĨA

(1807—1872)

Số 2 *của* TRỰC THẦN

HI bị giam tại Long-hồ để chờ ngày làm người thiên-cổ, cụ Thủ-khoa có tiếp một người bạn. Thấy cái cảnh thất thế của cụ, trạnh lòng bùi-ngùi cho một vị quan lớn vì cang trực mà lụy đến thân danh, ông Nhiêu chơn — người bạn ấy — hỏi cụ : « *Bây giờ cụ đã già, chẳng le cụ để chết mòn ở trong cái khám lạnh nầy sao ?* » Cụ Thủ-khoa chỉ mỉm cười rồi đáp :

« Nhượng chăng là nhượng kẻ cày voi,
« Lục-lục thường tài cũng một mòi.
« Mờ mịt bởi mây che bóng nguyệt,
« Om sòm vì trống lấp hơi còi.
« Kìa câu ích-kỷ kinh còn lạc,
« Nọ kẻ khi nhơn thánh để roi.
« Lần-thần hết suy rồi đến thái,
« Ngày qua thảng lại lướt đường thoi » (1).

Cái đức bình-tĩnh của cụ thật đáng phục. Nằm chờ cái chết mà vẫn còn hi-vọng « *lần thần hết suy rồi đến thái* ».

Mà cụ nghĩ thật không lầm.

Ở bên ngoài, bà Thủ-khoa và ông quản Kiệm — em bạn di của cụ — lo toan để cứu cụ khỏi án tử hình.

Một mặt ông quản Kiệm lập mưu trì huỡn để bản án ra Kinh-đô trễ nải (2), một mặt bà *Nguyễn-thị-Tồn* sắp-sửa hành trang ra tận *Tỉ Tam-Pháp* minh oan. Từ Long-hồ (bây giờ là Vĩnh-long) bà đi thẳng qua Định-tường (bây giờ là Mỹ-thọ), rồi « quá giang » ghe bầu ra Huế. Đến nơi, nhờ cụ Phan Thanh-Giản bày vẽ mọi điều để bà vào tận tỉ Tam-pháp nồi ba hồi trống cho vua lâm triều hội đình thần.

Đức Tự-đức ban xuống ba thước lụa trói bà và cho đòi vào dâng cáo-trạng.

Nhờ ở tài ăn nói, ở sự tận-tâm, bà đã cảm hóa được cả triều-đình. Và cái án tử hình kia được đổi thành « *quân tiền hiệu lực, đái tội lập công* » (3). Cụ Thủ-khoa cỡi chiếc bảo tri-huyện, mặc vào cái áo xanh của anh lính đi đầu mà chờ ngày lập công chuộc tội. Thôi ! mộng hoạn trường đã sụp đổ từ đây ! Phải trải bao lao-khổ mới mong trở lại bước đầu tiên ?

Cụ được tùng dưới quyền của Hùng-dõng đại tướng-quân Nguyễn thanh-Nhân (sau làm An-hà tổng-đốc). Thời may cụ lại nhập chung đội với người em bạn di là ông quản Kiệm. Khi ra dẹp loạn dân thổ ở gần biên giới, chính ông nầy đã « giúp » cụ « *một mớ thủ cấp* » quân nghịch. Nhờ công trạng đó, cụ được thăng lên chức phó quản cơ và được giao giữ đồn Vĩnh-thông (An-giang).

Ở đấy, một đồn biên giới, trước cai cảnh núi non hiểm-trở, tịch-mịch rừng sâu, nhiều phen nỗi buồn lai-láng thâm nhập vào cõi lòng của kẻ bất đắc thời ! Có truyền lại bài thơ chữ hán sau nầy, cụ làm khi xúc cảm nơi đồn Vĩnh-thông :

« Độc tọa cao lâu, tứ tiễu nhiên,
« Thiên không, dã khoáng, thảo thiên-thiên.
« Giang biên phàm quá cô-thôn vũ,
« Lãnh ngoại xa hồi viễn thọ yên.
« Mộ sắc sổ gian y trúc lũy (hoặc *xá*).
« Ca thinh nhứt đạo tái bồ thuyền,
« Tu mi tự đắc bá phu trường,
« Tái thượng tha-đà niên hựu niên. » (4)

Trấn nhậm đồn Vĩnh-thông, cụ rất khổ tâm với bọn giặc Cao-miên, vừa dẹp yên lại nổi lên làm loạn.

Lần chót, cụ và quan quân bị bắt rất nhiều và giải về On-Dong (kinh đô Cao Miên). Nhờ đức-huệ Miên hoàng, *Ang Duong*, là người có dạ liên tài, cho thả về ; cụ được ghe đưa đến tận Tịnh-biên nơi ranh-giới.

Chán cảnh hoạn trường, cụ dâng sớ xin hồi hưởng, trở về làng cũ vui với rẫy quê. Cụ mở trường dạy học tại Bình-thủy. Những giờ rảnh rang, uống rượu, đánh cờ và đi câu cùng cụ Cử Trị. Bấy giờ cụ lấy hiệu là « Liễu-lâm chủ-nhơn » (nơi cụ ở có rất nhiều bần, đức Minh-mạng đặt tên cho cây bần là *Thủy-liễu* mộc) ; cụ cũng lấy hiệu là « Liễu-lâm tiên-sanh ».

Nhưng trẻ Tạo trớ-trêu, không để cho cụ an hưởng tuổi già, lại bày lắm trò rắc-rối.

Sau ngày 5 Février 1868 phái văn-thân lại nổi dậy ở Hương-điểm (Bến-tre), rồi đến loạn-lạc lung-tung ở Cái-Mít (Juillet) ở Phú Ngãi, Tân-điền (août)... cứ tiếp tục khắp nơi, nhiễu-nhương

liên miên; sự oán hận cao vút khắp một góc trời.

Là học trò của cụ đồ Hoành — một yếu nhơn của Lê-văn-Khôi — cụ Thủ-khoa Nghĩa, trong thời kỳ ấy, cũng bị tình nghi và bị bắt giải về Gia-định. Nhờ sự bảo-lãnh của ông hộ Đỗ-hữu-Phương (sau làm đến tổng-đốc) cộng sự với ông phủ Ba Tường (Tôn Thọ-Tường) để đi khuyến dụ dân làm loạn, cụ Thủ-khoa mới được tự do. Nhơn cái « tai nạn » ấy cụ có làm bài Đường luật « *Vịnh Quan-công thất thủ Hạ-bì* », cũng để cảm tác cái đời « ba chìm bảy nổi » của cụ. Bài thơ ấy như vầy :

« Hạ-bì ngày nọ chẳng màng nao.
Gương rạng thời ta dụng chước thao.
« Chén rượu anh em keo gắn chặt,
« Tấm gương tôi chúa đuốc chong cao.
« Theo rồng chẳng phụ mây trời Hán,
« Dưới ngựa dàn tham bạc đất Tào.
« Trọn đạo cương thường vai gánh nặng,
« Ngàn năm bia để miệng người rao. » (5)

Khi được thả về Bình-thủy, ghi cái ơn trọng của người, cụ chẳng biết lấy chi đền đáp, có bài thơ sau đây, gọi là tạ cụ *Đỗ-hữu-Phương* :

Cửa rồng mừng đặng một phen lên.
« Trân trọng cầm bằng khách bực trên.
« Mát mặt chẳng từng non nước lạ,
« Rảo mày sánh với ruộng vườn quen.
Riêng vui mây trắng hiềm khôn tặng,
« Chung đội trời xanh dễ dám quên.
Ngươi, tớ hỡi còn khi gặp-gỡ,
« Dạn lòng vàng đá: Hỡi cho bền !»

Tuy đó là một bài đáp tạ kẻ bề trên, ta cũng thấy được cái khí-phách ngang-tàng của cụ.

Ngày 21 tháng giêng năm nhâm-thân, (1872), nhà danh nho cang trực Bùi hữu Nghĩa từ biệt cõi trần.

« *Nhờ tài ba đã được làm quan, lại vì cao tiết bỏ quan về dạy học, cụ Nghi chi đi ngược trên đường đời nên cụ phải chịu sống nghèo thác lạnh.* » (6)

Sự nghiệp văn-chương gồm một vở tuồng hát bộ kiệt tác, « *Kim Thạch Kỳ Duyên* » và rất nhiều thơ nôm, thơ chữ hán văn tế, liễn đối. Vì không người lưu tâm đến, phần nhiều thất lạc và sai nguyên-văn.

Tiếc thay một đấng tài hoa, một trang nghĩa-khí mà tên tuổi bị mờ lấp bởi bụi thời-gian ! Ngày nay, ngậm ngùi hoài cổ, kẻ hậu sanh nầy xin thành tâm có đôi hàng nhắc-nhở. (Còn một kỳ)

TRỰC THẦN
(Tây-đô)

---

(1) Bài nầy do ông Đặng hàm Hanh đọc lại có người e rằng không phải cụ Bùi hữu-Nghĩa, vì câu thơ không được mấy văn-hoa. Theo tôi nghĩ, trong lúc chịu hàm oan, nỗi lòng uất ức, câu thơ khó mà suông-sẻ được. Ý-tứ trúc-trắc có thể là kết quả của một mối u-tình. Vậy xin chép ra đây, chờ tra cứu lại và ước được những bực cao kiến chỉ giáo.

(2) Về vụ nầy có đến 2 giả thuyết :

a) Ông quản Kiệm tiếp đãi tên trạm đem chiếu Triều-đình vào Long-hồ, phục rượu cho hắn say, lén lấy tờ chiếu giấu đi để trì-huỡn ngày xử lại, cho bà Thủ khoa kịp ngày giờ ra Huế minh oan (thuyết nầy do mấy bực kỳ lão nói lại rằng do ông Bùi hữu-Tú con thứ tư của cụ Thủ-khoa, thuật. Tài-liệu của ông Nguyễn-văn-Nghĩa).

b) Khi bổn án lập xong, cụ Thủ-khoa xin cho đọc xem ra thế nào Thừa dịp các quan đầu tỉnh sơ ý, ông quản Kiệm đoạt bổn án chạy ra ngoài xa trao lại cho bà Nguyễn thị Tồn. Còn ông thì chạy miết về An-giang (Châu đốc) để cho quân theo bắt lạc đường Nhờ sự che-chở của các quan đầu tỉnh tiền có cảm-tình với cụ Thủ-khoa, ông quản Kiệm được vô tội vì không bằng-cớ. (do ông Nguyễn đại Liên tục gọi là ông Năm Bao ở Bình-thủy nói lại rằng do cụ Nguyễn phước-Dương, một cao đồ của cụ Thủ-khoa, thuật lại.)

(3) Người ta có thuật lại rằng sau vụ minh oan nầy, bà Nguyễn thị Tồn được đức Từ-Dụ-Nghi-Thiên Chương hoàng-hậu, cũng gốc Nam kỳ (Gò công), đòi vào yết kiến và ban tặng tấm biển vàng có bốn chữ « Liệt phụ khả gia ». Sau khi về Biên-hòa, bà tạ thế ngày 24 tháng mười một (không biết thuộc năm nào.)

(4) Dịch nôm :

Lầu cao ngồi rỗi ngó tứ bề
Cỏ loan chơn trời, đồng rộng ghê.
Mưa phảy bờ sông, buồm lướt tới,
Khói mờ cây núi, bóng xe về.
Trại cang bên lũy, màn trơ trẽn,
Hát trôi trên thuyền giọng tỷ tê.
Thầm nghĩ phận trai hơn được chung (1)
Quanh năm luống đạo cảnh say mê. (2)

(1, 2) *L. T. S.* — Hai câu này, theo đúng nguyên văn chữ hán thì nghĩa là : nghĩ mình là hạng tu mi nam tử thế này, vậy mà lấy sự được làm « bách phu trưởng » làm tự đắc, (vì cụ Thủ khoa Nghĩa bấy giờ làm phó quản-cơ, nên mới nói là « bách phu trưởng »). Nhưng thân mình đương phải lăn-lứa ở nơi biên tái, hết năm nay qua năm khác !
(bản dịch của Nguyễn văn Nghĩa, trong « V.C. và L.S. cụ Thủ khoa Nghĩa »)

(5) Bài nầy do ông Nguyễn đại Liên, người có nhiều tài liệu về cụ Thủ-khoa, đọc lại. Trong quyển « Văn Chương và Lịch Sử cụ Thủ-khoa Nghĩa », ông Nguyễn văn Nghĩa chép như vầy :

« Hạ bì ngày nọ chẳng màng nào.
« Gương sáng chi làm chước túng thao.
« Chén rượu anh em keo gắn chặt
« Tấm son tôi chúa đuốc chong c
« Theo rồng dốc nhóm mây trời H
« Xuống ngựa đâu tham bạc đất T
« Hai mối cang thường gồm đặng
« Ngàn năm thơm để miệng người r

(6) Lê thọ Xuân, báo *Mai* số 88 n 2 Juin 1939.

CỤ THỦ-KHOA BÙI-HỮU-NGHĨA VÀ TUỒNG

« KIM THẠCH KỲ DUYÊN »

(Thời-kỳ cáo lão qui hương dĩ hậu và khi soạn tuồng K.T.K.D.)

NGUYỄN ĐẠI-LIÊNG

Bữa Hội Khuyến-học Cần-thơ làm lễ truy-niệm cụ Thủ-khoa Nghĩa, ngoài bài diễn văn khai mạc do Bác-sĩ Lê Văn Ngôn đã đọc, còn có bài này của ông Nguyễn Đại Liêng ở Bà-đồ (Cần thơ) nói về tuồng Kim-thạch kỳ duyên *và tác giả nó. Bản-chí xin lục-đăng nguyên văn bài của ông Liêng để cung thêm chút tài liệu về văn-học.*

. T. S.

Kính chào Quan chủ tỉnh
Kính chào quí quan các ty sở
Chào quí vị thính-giả
Thưa quí ngài,

Hôm nay, tôi có cái hân hạnh đến trước quí ngài đây, đến trước thính-giả mà đa số thuộc về hàng thượng-lưu trí-thức, hẳn có nhiều vị có tài nói chuyện van-chương sành-sỏi hơn tôi, thế mà lại trao cho tôi cái danh-dự quá xứng đáng hầu chuyện cùng các ngài: thật là một hoan-lạc bất-ngờ và đáng tránh đối với tôi.

Nhưng bởi tôi không đành từ nan lời mời chân thành và thân-mật của ông Bác-sĩ Lê-văn-Ngôn, Chánh hội-trưởng Cần-thơ khuyến chi-hội, đã muốn cho tôi lên lấy danh-nghĩa của ông thân-sanh tôi vốn là cao-đệ của cụ Thủ-khoa, đã gần-gũi cụ lâu năm nhứt trong đám học-trò của cụ, mà nói về những điều chính tôi nghe biết về đời tư hoặc về văn-chương cụ Thủ-khoa.

Tôi nghĩ cụ Bùi Thủ-khoa mà được suy-tôn ngày nay là nhờ nơi tuồng *Kim thạch kỳ duyên* nhiều hơn là nhờ các chức tước hay văn bằng của cụ. Bởi vậy, tôi muốn cho câu chuyện tôi xin đem hầu qui ngài đây sẽ trọn vẹn trong đề:

« *Cụ Thủ-khoa Bùi-hữu-Nghĩa và tuồng Kim thạch kỳ duyên* ».

Vì văn chương có chịu ảnh-hưởng của đời sống và, những việc riêng của cá nhơn thường xoay chiu cho tư-tưởng, cho nên nếu sau này mà tôi có nói ra ngoài đề một điều chi là bởi cái ảnh hưởng xa gần đối với văn-chương của cụ.

***

Thưa quí ngài,

Vừa rồi ông Đỗ-văn-Y đã có đọc hầu quí ngài những giai đoạn, những giáng-cấp liên-tiếp của đời cụ Thủ-khoa trong quan-trường. Giờ đây, tôi chỉ nói về thời kỳ mà cụ Thủ-khoa cáo lão hồi hương. Chính trong thời kỳ ấy, ông thân sinh tôi thọ giáo với cụ và gần gũi cụ ròng rã tám năm trường. Nhờ vậy, sau này tôi mới được nghe nhắc mãi về khí-tiết, dung-mạo, văn-chương của cụ Thủ-khoa. Cụ Thủ-khoa bấy giờ hay lai-vãng và có khi ở tại Bà-đồ, nơi mà ông thân sanh tôi. (Bà-đồ là một xóm đầy cổ-tích văn-chương ở cách đây 7 cây số ngàn, trên con đường Cần-thơ — Ô-môn, vì lúc trước có một ông sanh-đồ có nhà cửa vợ con tại đó mà rộng đường giao-du lắm nên ai có đi qua xóm đó cũng đều gọi là *xóm của ông Đồ*; sau ông mất trước bà, nên gọi lại là *xóm bà Đồ* cho đến ngày nay).

Trong thời buổi ấy, nhờ có cụ Thủ-khoa, nên cụ Cử Trị, cụ Cử Trưng (tức là An-giang đốc-học Nguyễn-thanh-Trưng) và nhiều danh-sĩ thỉnh-thoảng đến xóm đó vui chơi trò-truyện thường lắm...

Phỏng theo quyển *Nguyên gia cố sử tạp biên* là một tập vở báu của riêng nhà tôi thì cụ Thủ-khoa lúc đó vẫn còn quắc-thước sức còn khỏe, tác trung-trung. Trên cái khuôn mặt vuông, đôi mắt sáng quắc, tỏ vẻ người cang trực, thông-minh. Đôi vòng mày rậm-rậm hơi xếch lên góc trán rộng mà vuông Quanh cặp môi hơi dày, một bộ râu phủ cả hàm, đen mướt và suông, dài đến khỏi ngực.

Người thời xưa thường nói hình-thể ấy là hình-thể của một võ tướng. Và trong cái hình-thể võ tướng của cụ Thủ-khoa ẩn tài-trí của văn nhân. Sự phản tượng của ngoại-hình và nội-giới ấy, theo người trước, dường như có ảnh hưởng không tốt đến đời bạc mạng của « Đấng tài-hoa ». Và, số phận truân chuyên của cụ Thủ-khoa đã chứng thật cho môn tướng số.

Nhưng trong chúng ta nào ai dám quyết rằng vì chỗ tài, tướng không thuận chiều mà đời người không gặp vận hay vì cụ quá đa tài mà mạng bạc phải riêng mang.

Cho nên trong sáu mươi sáu nam trời dài-dặc, trong văn-chương, trên hoạn-lộ khi nhập ngũ lập công, lúc buồn tình độc tọa, từ địa-vị một anh học trò nghèo khó vượt lên ngôi-thứ của ông Thủ-khoa hiển-vinh. Cụ vui cũng lắm mà cụ buồn nhiều hơn. Công danh nghịch cảnh, tình duyên trái đường. Tâm-tình, ý-tự biết đem ra thổ-lộ cùng ai? Hay khi ngày vắng, lúc đêm dài, chén rượu giải sầu cùng với bóng...

Bởi thế cho nên, lúc gần cáo lão qui hương, khi cụ ngồi một mình trên đồn Vĩnh-thông, ngó xuống con sông dài, bên xóm vắng, trời mưa lấm-tấm cảnh vật mờ-mờ, cụ buồn mà ngâm :

Độc tọa cao lâu trí tiểu nhiên,
Thiên không, dã khoáng, thảo thiên-thiên.
Giang biên phàm quá cô thôn vỡ ;
Lãnh ngoại xa hồi viễn thọ yên.
Mộ sắc sổ giang y trúc xá ;
Ca thinh nhứt đạo tái bồ thuyền.
Tu mi tự đắc bá phu trưởng,
Tái thượng tha-đà niên hựu niên.

Đó thật là nỗi lòng buồn của cụ Thủ-khoa theo giọng thơ Đường mà lưu lộ.

Xưa nay, trong văn giới dường như có cái lệ thơ-văn thống-thiết nhứt là thơ-văn mình khóc cảnh tình mình. Nguyễn-Du than thân trong *Kim Vân Kiều* ; Đồ Chiểu đổ nỗi niềm trong *Lục-vân tiên* thì cụ Bùi Thủ-khoa giải cảnh tình của mình trong tuồng *Kim Thạch Kỳ Duyên* bất diệt.

Kim Thạch Kỳ Duyên là một tuồng hát; cuộc đời cũng là một tuồng hát. Trong *Kim Thạch Kỳ Duyên* có sự trảo hôn vô tình là bởi trong đời cụ Bùi Thủ-khoa chịu việc thay duyên bất chánh.

Sự thay duyên ấy lộ ra rõ-rệt ở hồi thứ ba của tuồng *Kim Thạch Kỳ Duyên* trong bài thơ của Ái châu, một vai trong tuồng :

Thiếp vốn nhà tâm, hiệu Ái-châu,
Vì chàng trực tiết bấy nhiêu lâu,
Ngồi thầy tớ chuyền vầy loan phụng,
Mão đề tròng chơn, dép đội đầu.

Khi đã thấu rõ chỗ u-uất trong tâm tình cụ rồi, mới thấy sự bực-tức của cụ khiến cụ phiền trách ai trong tuồng *Kim Thạch Kỳ Duyên*, phiền ở chỗ :

Thối hôn mới mượn kẻ trá hôn;
Bất giá lại kiếm nơi cải giá.

Người ta muốn gạt chị cụ để trảo duyên mà dễ gì ai chẳng biết, cụ trách, cụ giận, nhưng nghĩ lại cụ

«... nực cười,
Liều mình vốn có một người
Theo thác làm chi hai mạng,
Nuôi chẳng nuôi mấy tháng,
Bán đặng bán hai người,
Giấu đầu đã bày đuôi,
Đau chơn nên hã miệng.»

Người ta thì « Giấu đầu đã bày đuôi » nghĩa là ẩn người chị mà đem người em ra gả cho cụ ; nhưng cụ thì thấy « đau chơn nên hả miệng » nghĩa là đem nỗi niềm tâm sự giãi rõ ra trong tuồng *Kim Thạch Kỳ Duyên*. Ở ngoài đời, cụ oán giận người xảo trá bao nhiêu thì trong tuồng cụ gay-gắt với vai Ái-châu bấy nhiêu, bởi vậy cụ mới lên án :

Dâm phụ tới dưng đầu ;
Thủ phát nọ tay thâu,
Bửu đao kia lưỡi xuống!

hay là câu :

Nước biển bắc, rửa nhơ mi khôn sạch ;
Tre non nam, ghi tội ả khôn cùng.

Có lẽ trong đời tư của ngài Thủ-khoa, bà hai Thừa là chị ruột của cụ cũng can gián lắm lời cho nên trong tuồng có câu :

Đã nên bằm, nên lóc,
Sao còn gián, còn can,
Nhược tùng chầm tịch chi ngôn ;
Chung bão khuê phòng chi hôi

Bao nhiêu câu chuyện tóm lại có mấy chữ công danh chẳng may, tình duyên không đẹp. Tuồng *Kim Thạch Kỳ Duyên*, mà thành áng văn xuất sắc ở tài-tình là bởi cụ Bùi Thủ-khoa phải chịu cuộc đời đau thương vì duyên số. Đời cụ ẩn-núp trong văn cụ. Đây là một chứng thực lời của một danh-sĩ Pháp « văn tức là người » vậy.

(Còn nữa)

NGUYỄN ĐẠI LIÊNG

ĐÃ CÓ BÁN :

KHẢO LUẬN VỀ
KIM-VÂN-KIỀU

ĐÀO DUY-ANH

*

Quyển sách đầu tiên nghiên cứu và bình luận tổng quát về Nguyễn-Du và tác phẩm, có phụ cả *Thanh-hiên thi tạp* và *Bắc-hành tạp-lục*.

Giá 2$40

VĂN HÓA

29, Maréchal Pétain — Huế

GIA THẾ HỌ ĐINH

Ở HÀM-GIANG

Số 1 TIÊN-ĐÀM

TRONG một số trước (1) chúng tôi đã thuật việc đào mộ ông Đinh-van-Tả ; theo đuổi công việc khảo cứu, chúng tôi lược khảo thêm sau đây gia thế của họ Đinh theo như các tài-liệu đã kiếm được (2).

Theo Hải đông chí lược (sách chép của trường Bác-cổ số A 103), họ Đinh là dòng-dõi vua Đinh Tiên Hoàng ở đỗng Hoa-lư.

Trong bài tựa quyển « Hàm-giang danh tướng liệt truyện » (3 , ông Đinh-gia-Nghi (4) là con cháu họ Đinh viết : Em vua Đinh Tiên-Hoàng là Kim-ngô đại-tướng-quân Đinh-Điền nhân vì Lê Đại-Hành thoán-vị, ông cùng Thái-úy Nguyễn Bặc dấy binh chống lại, nhưng thua, phải chết vì nước. Con cháu sợ tai-vạ, trốn ra đấy rồi lập thành quê-quán (5).

Vậy họ Đinh ở Hàm-giang là dòng-dõi họ Đinh ở làng Đại-hữu, huyện Gia-viễn, tỉnh Ninh-bình.

Về các đời trên, sự-tích đều thất lạc cả ; nay xin kể từ ông Thạch quốc công đời hậu Lê.

THẠCH-QUỐC-CÔNG húy Đàm, đẻ ra khôi vĩ, tuấn kiệt và có sức khoẻ. Hồi ấy nước Nam bị nhà Minh sang chiếm, ông nghe tin vua Lê Thái-Tổ khởi-nghĩa ở Lam-sơn, liền đi theo. Năm ấy ông đã 53 tuổi.

Năm ất-tỵ (1425), vua sai ông đem cơ binh cùng Thái-uy là Lê Hãn đánh lấy đất Tân-bình, Thuận Hóa.

Năm Đinh mùi (1427) theo vua ra Đông-đô, nhớn nhỏ đánh hơn bẩy mươi trận, đánh đâu được đấy. Khi ở trong quân, vua thường gọi là Lão-tướng, rồi nhân muốn tỏ ý đãi ông một cách khác thường, bèn ban cho cái hiệu là Kỳ-huân đại-tướng-quân.

Bấy giờ ông đã ngoài 60 tuổi, thế mà mỗi khi xuất quân là lập được chiến-công. Vua Lê bình định rồi, xét công ông, phong là Khai-quốc công thần tả doanh đại đô đốc, thượng trụ quốc, thượng trật quận tước.

Năm tuổi 70, xin về trí-sĩ mất ở cố hương (6) tạng Thái-bảo Thạch quốc-công ban cho ruộng ba mươi mẫu ở bản-quán để dùng vào việc tế tự.

***

PHÚC YÊN-CÔNG, sự-tích và hành trạng không chép rõ-ràng.

Phúc-yên công sinh ra ĐỨC-GIANG HẦU.

Hầu tên húy là gì không thấy chép, là con Phúc-yên công, là cháu nội Thạch-quốc-công.

Thiếu-thời, làm gia-lịnh (quan coi việc nhà) cho Gia-vương khi còn ở nơi tiềm-đề (tức sau này là vua Lê Thánh-Tôn).

Năm Canh-thìn (1460), các quan đại-thần là bọn Nguyễn Xí phế bỏ Nghi-dân, đón Gia-vương về lên ngôi, ông cũng theo phù tá. Dư-đảng của Nghi-dân bị giam và bị giết hết. Vì có công dực-đới, ông được phong Điện tiền cẩm-y hữu hiệu điểm.

Năm Canh-dần (1470) vua Chiêm-thành là Trà-Toàn đem binh quấy rối miền Hóa-châu. Vua Lê Thánh-Tôn ngự giá thân-chinh, ông sung chức Tả-dực tướng-quân theo hộ giá, thẳng vào thành Đồ-bàn, phá tan kinh thành Chàm và bắt sống được Trà-Toàn. Ông được thăng Tham-đốc chưởng thần-võ tứ vệ quân sự-vụ Đức giang hầu.

Khi mất (7), được tặng Tĩnh-nạn công thần Đô-đốc thiêm sự, lại ban cho ruộng 11 mẫu 5 sào để dùng vào việc tế-tự (8).

***

Con giai Đức-giang hầu là DƯƠNG SƠN HẦU.

Hầu tên húy là Đinh, đời Chiêu Tôn nhà Lê, làm quan Chi hậu nội-thị.

Đến cuối năm Quang-thiệu (1516-1526) Mạc-đăng-Dung cướp ngôi, ông theo xa-giá về Tây-đô (Thanh-hóa).

Năm Ất-dậu (1525), Mạc-đăng-Dung đem binh vào bức, vua tôi nhà Lê bị thua ở Lạc-thổ, vua Chiêu-Tôn bị ép về Đông-đô rồi bị hại. Ông theo hoàng-tử Ninh chạy trốn sang Ai-lao. Sau, các quan đại-thần là bọn Trịnh-duy-Liêu lập Ninh lên làm vua, tức là vua Lê Trang-Tôn, và mưu việc trung-hưng từ đấy.

Năm quý-mão (1543) ông cùng Thái-sư Chiêu-huân Tĩnh quốc-công (Nguyễn Kim) đem binh đánh các nơi Hoan, Diễn, Thanh-hóa, Sơn-nam, đều bình-định cả. Về sau, mất ở Vạn-lại hành-tại (9). Ông làm quan đến chức Cẩm-y vệ-úy, Điện tiền đô hiệu điểm ty tả hiệu điểm Dương sơn hầu, tặng Trung-hưng công thần Đô-đốc Đỗng tri.

Con giai Dương-sơn hầu là HÙNG-QUẬN-CÔNG.

Ông húy Phủ thuở nhỏ học tập binh thư, lầu-thông võ-lược. Ban đầu, ông coi giữ cấm-binh và phụng-thị ở Lam-sơn hành tại.

Năm Đinh-mùi (1547), phụng mệnh đem binh lược định các huyện Thiên khai...

Năm Ất-mão (1555), theo Thái-sư Lạng-quốc-công Trịnh-Kiểm đi trận.

Lúc ấy, Mạc kính-Điển đem binh thuyền hơn trăm chiếc tiến vào cửa bể thần-phù chia đường tiến đánh.

Trịnh Kiểm đem binh chống đánh nhưng hằng bất lợi. Triều-đình lấy làm lo lắm. Ông mật bày cơ-nghị, xin đặt phục binh ở hai bên bờ sông. Trịnh Kiểm nghe theo. Khi kéo đến, giặc quen mui bấy lâu vẫn thường thắng, nên nay không phòng-bị. Hai bên quân phục xộng ra, đánh ập lại; quân nhà Mạc chết lấp đầy sông; tướng nhà Mạc bị bắt sống ở dưới núi Kim-sơn; bên Mạc mất hết, tất cả thuyền bè và súng ống. Mạc-kính-Điển phải bỏ trốn về Đông-đô (Thăng-long). Từ đấy họ Mạc ngày suy dần và nhà Lê mới có cơ tiến lấy được Đông-đô.

Rồi ông mất ở An-dương hành-tại, làm quan đến chức Điện tiền thị-vệ cẩm y điểm, Hùng-sơn hầu. Về sau vì con giai là Đinh-văn-Tả có công lớn, và vì có công-trạng, theo đòi từ lúc mới trung hưng, ông được tặng Trung-hưng công-thần, Thái-bảo thượng trụ quốc, Thượng trật Hùng quận-công gia-phong Đại-vương.

***

Ông ĐINH-VĂN TẢ là con giai của Hùng quận-công.

Ông Đinh-van-Tả sinh ra (10) chưa đầy nam thì mồ-côi cha, cơ-khổ linh-đinh, không nương-nhờ vào đâu; bà mẹ mới đem về làng. Nhớn lên, lạc sổ, ông phải xuống làm thứ-dân (11).

Nam ngoài 20, sức mạnh khác thường, ông lại giỏi nghề bắn cung. Vì ông là người lỗi-lạc, không uốn mình theo cương-khấp, nên được bốn phương hào-kiệt đều hướng lòng về với ông. Tiếng vang khắp cả, sợ lụy có lỗi, ông mới đem cả bọn về kinh Thăng-long tạ tội, chúa Trịnh giận, sai đem giam vào Công-đình.

Một ngày kia, qua trường bắn xem tập, cười bảo mọi người rằng: « Lũ các anh vô tài, an phí của kho nhà nước! » Khảo-quan nghe thấy khiến vào thử bắn. Ông bắn nhẹ và nhanh, phát nào cũng trúng. Khảo quan lấy làm lạ về cái tài của ông, liền đem việc tâu lên vua và được nhà vua cho vào diện yết. Ông nhân tâu rõ huân-lao của tiên tổ. Vua Lê Thần-Tôn xem tâu, dụ rằng: « Gia-thế ngươi là nhà trung nghĩa, ai cũng biết; nay ngươi tuy có lỗi, nhưng cho theo việc quân để lập công ».

Liền khi ấy ông được đặc cách trao chức giữ binh để phụng-thị.

(Còn nữa)

TIỀN-ĐAM

1) Coi Tri-Tân số 89 ngày thứ năm 1er avril 1943

2) Hàn-giang danh tướng liệt truyện của Đinh gia-Nghi soạn; Gia-phả họ Đinh của Đinh gia Mai soạn.

3) Bài tựa đề niên-hiệu Thành-thái thứ ba tháng 10, ngày 20.

4) Ông Đinh gia-Nghi đỗ cử nhân khoa Bính tý (1876) đổi Tự-đức làm Tri phủ Lâm-thao.

5) Theo Gia phả bằng văn vần của ông Đinh gia-Mai làm ở Vĩnh-yên ngày 12 Juin 1936, thì họ Đinh là dòng-dõi vua Đinh Tiên-hoàng vì tránh nạn Đỗ thích mà di-cư ra trấn Hải-dương đã ngót 1000 năm.

6) Mộ tàng tại thôn Phương-độ thuộc xã hàn thương (theo Gia phả Đinh-gia-mai)

7) Mộ tàng ở xứ Mả gioi (theo Gia-pha Đinh-gia-Mai)

8) Nay từ đường ở vào đất này, niên hiệu Gia long, ruộng tự-điền nay bị sát nhập tỉnh thành, chỉ còn một khoanh từ đường thôi.

9) Về sau cháu là Đinh-văn-Tả rước hài, cốt về an táng tại Nhị trâu thuộc phủ Nam sách. Gia phả Đinh gia Mai)

10) Sinh tại Thanh-hoa (vì bây giờ hưng quận công đang phụng thị vua Lê ở An trường hành-tại năm thứ 22 niên hiệu Quang-hưng (1599) (Gia pha Đinh gia Mai)

11) Trong Gia phả và Hàn giang danh tướng liệt truyện đều chép truyện thần nhân hiện lên mách bảo ông đem hài-cốt tổ tỵ táng vào kiểu đất tiếp phúc « nổ yêu đại ân, vũ tướng trọng quyền », nhưng đó chỉ là một việc rất huyền bí, vì có thay chép nên chúng tôi ghi dưới đây, nhưng cũng chỉ là một sự mê tín mà thôi.

Giá báo

Mỗi số	0$30
1 năm	12 00
6 tháng	6 50
3 tháng	3 50

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin giả tiền trước

Sổ lạc-quyên sùng tu phần mộ cụ thủ khoa Bùi-hữu-Nghĩa

(Do hội Khuyến-học Cần thơ tổ-chức)

1.— Quan chánh chủ tỉnh Can-thơ ông De Montmigt .	30$00
2 — ô. Trần-văn-Mằng, đốc-phủ-sứ (Cthơ). .	5 00
3.— ô. Hồ-văn-Sĩ, tri huyện (Ct)	3.00
4.— ô. Võ-Hiếu-Đễ, hội trưởng Hội Canh nông Canthơ. .	20.00
5.— ô. Trần-văn-Tỷ, chánh tòa áo đỏ. .	20.00
6.— ô. Trần-Kim-Quan, bào chế sư (Saigon). . .	100 00
7.— ô. Đồng Nhơ-Điều, y-sĩ (Canthơ). . .	10 00
8.— Gia quyến Cao-Văn (Ct)	21 00
9.— Ẩn danh. . .	50 00
10.— ô. Cao-Thiên-Toà, điền chủ (Rachgiá). . .	20 0
11.—Văn Đoàn Nam Kỳ (Saigon)	20 0
Cộng chung...	298$00

(Còn nữa)

Hội Khuyến-học Cần-thơ lại cáo-

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 22

NGUYỄN HUY TƯỞNG

NÀNG giật mình khi nghe Đặng-Lân truyền lấy chầy sắt tra khảo Bảo kim. Nàng lụống cuống, thốt kêu.

Trời ơi, chầy sát nện vào thì còn chi là dần gối người ta nữa. Phò mã ơi! Đừng giở trò ấy ra, em xin Phò mã.

Đặng - Lân khoan - khoái trong người khi thấy Quận - chúa gọi mình là phò - mã, nhời nói êm như ru, trong như ngọc rót bên tai. Hắn cầm lấy tay quận chúa, nàng để nguyên cho hắn. cầm Đặng - Lân nhìn nàng và hỏi :

— Tôi nghe ái-nương là người yêu van-tự vì thế hay xướng họa tới bọn Bảo kim, chắc hẳn cũng có ít nhiều tình ý.

— Sao phò mã lại có sự nghi ngờ ấy ?

Liếc mắt nhìn, nàng thấy mặt Đặng Lân đầy một vẻ xỏ-xiên. Hắn cười tự-đắc :

— Biết đâu đấy ! Biết đâu tôi không bị người tranh trước !

Lòng Quỳnh-Hoa sôi lên, cả cái phẩm ách thanh cao của nàng lấy làm chướng vì những nhời nói đê-tiện ấy. Trông nàng, lúc ấy, có một vẻ oai nghi nhưng kiều-mị lạ lùng. Đặng - Lân vòng tay ôm lấy thân ngà ngọc. Nàng nói ;

— Trong ngày cưới, phò - mã đã giết hai vị đại thần, không phải là một tường-triệu. Xin phò mã đừng bày trò tra khảo ra nữa, em xin phò mã.

Đặng-Lân bấy giờ ngất-ngây vì nhắc đẹp của Quỳnh Hoa, hắn quay lại bảo Bùi-Đăng :

— Thôi, tha hình-phạt khảo chày cho chúng nó. Dẫn chúng nó xuống nhà giam. Hôm nay là ngày vui của cậu và Quận chúa. Mai kia hỏi tội chúng cũng vừa.

Hắn dìu quận-chúa vào trong lầu, nàng bủn rủn cả người, mặt xanh nhợt đi Khi Đặng-Lân đặt Quỳnh-Hoa lên giường thất bảo, thì nàng mê man bất tỉnh, mặc thân cho kẻ giày-vò.

Trong khi ấy, Bảo - Kim bị Bùi-Đăng dẫn xuống nhà giam. Trông lên lầu, chàng bỗng choáng váng đầu. Óc, tim như bị muôn phát kim đâm, chàng nói một mình : « Thà ta đừng biết nàng cho xong Quận-chúa ! Quận-chúa ! Thôi thế là hết...»

Các bạn Bảo-Kim cũng lặng thinh, như thế chia xẻ cùng chàng những nỗi trầm-thống...

VI

Khi Nguyễn-Mại đến nhận chức Hộ-thành bình mã sứ, chàng lấy làm lạ rằng công-việc không có một chút gì là tổ chức cả. Binh-lính thì uể oải, ngựa thì gầy yếu, việc tuần phòng thì sơ sài, công văn thì bề-bộn Hỏi các Như lại, thì họ đối đáp, mơ hồ, ẩn húy, không rõ-rệt một điều gì.

Hôm trước chàng đem gia quyến lại kinh — mẹ chàng không theo đi, vì muốn tránh nơi phồn hoa đô-hội— thì hôm sau chàng ra công đường làm việc. Tuổi quá trẻ trung của quan hộ thành đối với một chức vụ rất hệ-trọng làm cho bọn ti-thuộc kinh ngạc. Nguyễn-Mại thức suốt đêm, xem hết những công - văn, những đơn-từ giấy má trong số đó có hàng 30 lá đơn khiếu-nại Đặng-Lân vì tội hãm hiếp và giết người, lấy của. Chàng thảo một tập sớ rất dày, đề nghị một chương-trình cải cách tuần-phòng rất chu-đáo và xin nghiêm trị tất cả mọi người trái phép, bất luận hoàng-thân quốc-thích. Chương-trình cải-cách của chàng được chúa duyệt y, nhưng những đơn khiếu nại Đặng - Lân không thấy trả về.

Chàng biết rằng đó chỉ là một sự tất nhiên, nên không lấy gì làm phật ý. Chàng đem hết cả tài lực, nhiệt-thành, khôn-khéo ra tổ - chức lại công việc tuần-sát trong kinh thành, chỉ có mấy hôm, kết quả đã rực-rỡ. Kinh thành đã thấy thực hiện một nền trật-tự mới mẻ mà dân thường khao-khát cái tên Nguyễn Mại đã được mọi người nói đến một cách kính phục.

Nhưng nỗi canh - cánh trong lòng Nguyễn - Mại là việc Đặng Lân. Ngay khi tới kinh thành tin Quỳnh-Hoa bị chúa ép gả cho Cậu trời đã khiến chàng tức-giận. Tức-giận nhất là vì cuộc nhân duyên ấy sẽ làm khó công việc tiễu trừ Đặng-Lân mà chàng dự định. Một tầng khó nữa là bọn ti thuộc cứ nghe thấy nói cậu trời là sợ khiếp đảm đi.

Nguyễn-Mại một mặt nêu cao tinh thần vị nghĩa, một mặt dạy cho thuộc - hạ những môn võ rất hóc hiểm.

Lòng hào hiệp, tri quang-minh, sự săn-sóc, nhất là tài điều-khiển của chàng đã đem lại cho quan Hộ-thành trẻ tuổi những tay sai đắc lực tận-tâm.

Một hôm, chàng triệu - tập mọi người lại, hiểu-dụ :

— Các người cứ thẳng tay làm việc. Kẻ nào trái phép, bất luận sang hèn, cứ giải nộp. Tội-vạ đâu, đã có bản chức chịu. Trong khi thừa hành chức vụ, các người không bao giờ được do-dự, hèn nhát. Nên nhớ rằng lúc nào các người cũng được bản chức bênh - vực cho đến cùng. Bản chức thà chịu chết còn hơn để các người mang vạ. Bản chức chỉ yêu cầu các người có thể. Sau nữa

bản chức khuyên anh em không được lộng hành, không được vô lễ lúc nào cũng phải tươi cười nhã nhặn đối với mọi người. Bản chức mong rằng các người sẽ hết sức giúp bản chức, và cố làm sao cho nha hộ hành nêu được tấm gương đại nghĩa cho nhân-gian.

Nguyễn-Mại còn sai treo một cái biển và một cái trống lớn ngoài cổng nha và bá cáo cho nhân dân ai có đều gì muốn, kêu từ việc trộm cắp đến những đều oan ức, thì cứ lại nha Hộ thành mà đánh trống xin vào, chàng sẽ xét cho ra nhẽ.

Một hôm, chàng đến chơi Nguyễn Thị - lang phu - nhân, và để thăm Bảo Kim

Thấy bạn không có nhà và phu-nhân rầu - rầu chàng hỏi thì phu-nhân đáp :

— Kim xin phép đi chơi ba ngày, nay đã mười hôm chưa về. Mấy hôm nay bác nóng ruột quá chán đã biết đó : Em đi đâu, thường đúng hẹn thì về, không bao giờ lại quá lân như thế. Bác chỉ sợ có sự gì xảy ra, thì bác đắc tội với bác trai nhiều lắm.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Việc thâu phục nước . . .

(Tiếp theo trang 7)

rượu và nửa con gà ra mời Odendhal : Odendhal từ - chối nói rằng hơi mệt rồi trao cho viên thông-ngôn người ta ăn. Bọn tôi-tớ hầu cận nhà vua, thấy vậy rất lấy làm bất bình nhưng phải nín thinh, vì lệ mời rượu gà cùng trao đổi vòng xuyến là một lệ rất quan-trọng đối với bọn Hỏa - xá. Odendhal tuy là một nhà thám-hiểm lâu năm kinh - nghiệm song vẫn còn thua bọn Nguyễn-văn-Quyền, Lê-văn-Quyền ở chỗ ấy. Chính chỗ khuyết-điểm đó đã đưa Odendhal tới cái chết thảm-khốc.

Lạ gì nhà khảo cổ bao giờ cũng hiếu-kỳ. Odendhal tò-mò đòi xem cho được chiếc gươm thần của vua Hỏa-xá. Bọn Mọi thấy Odendhal là một người lạ không hề giống với sứ an-nam mọi lần một chút nào ; khi thấy Odendhal hỏi đến gươm báu, ai nấy đều sinh nghi. Họ lại thấy Odendhal viết thư sai người mang về gửi cho Tòa Khâm, chúng tưởng Odendhal viết thư lấy binh lên đánh chiếm cây gươm báu. Odendhal vẫn chưa biết lòng nghi ngờ bọn Hỏa-xá, sau khi đổi vòng xuyến xong, Odendhal tưởng chúng đã hàng phục, nên ngày 31 mars 1904 đánh giây thép về cho Tòa Khâm biết.

Bảy ngày sau 7 Avril 1904, Odendhal lại mang đồ-vật đến cho bọn Hỏa xá, Odendhal vừa đi vào nhà, bất ngờ bị bọn mọi mai-phục sẵn đổ ra trói gò lại rồi đâm chết ngay. Ba người Annam theo hầu cũng bị chung một số-phận. Thi-hài cả bốn người đều bị đem ra hỏa-táng trước cổng làng. Một tên đầy tớ người Lào theo hầu Odendhal chạy thoát được, lập tức về báo cho viên đồn Cheoreo hay. Viên đồn tức khắc mang binh đến thời chỉ thấy mấy nắm xương cháy chưa hết mà thôi. Những xương lượm được đem gửi về Sông-Cầu, ngày 15 Mai 1904 làm lễ an-táng rất long-trọng.

Hai năm sau người ta lại lượm được một ít xương nữa ở chỗ hỏa-táng khi trước, cũng đem về Sông-Cầu chôn chung vào một chỗ.

Mà Odendhal tuy ở Sông-Cầu, nhưng trường Viễn-đông Bác-cổ lại có xây một cái đài kỷ-niệm Odendhal rất nguy-nga ở gần Tourcham (Phan - Rang) vì lúc trước Odendhal làm công-sứ Phan-rang có công khảo-xét những di-tích Mu-đài của người Chàm

Sau vụ ám-sát đó, Chánh-phủ phái quan Giám-binh Vincillioni đi lùng bắt bọn thủ-phạm. Sang năm 1905, quan Giám-binh Rebard bắt được chánh-phạm là Patau-Pui (2)

Thế rồi từ đó nước Thủy-xá và Hỏa-xá bị diệt. Những đều bí-mật rùng-rợn trong chốn núi non của họ bị pha tan bởi mấy tiếng súng quốc-vương không còn oai-linh bằng mây vị đồn Trà kê, Cheoreo M'orack v. v... và cây gươm thần thôi, theo lời một tên tù trưởng (Sambram hiện bị giam), tự nhiên bay biên đâu mất.

HOÀI - DUNG

Sách kê-cứu

Đại Nam chính - biên liệt - truyện quyển thứ 32

Đại Nam nhất thống chí

L'Indochine Française par Far Eastern association of tropical Médecine.

Bulletin des Amis du Vieux Hué N° 4 année 1929

Việt-Nam sử lược của Trần trọng-Kim

Tài-liệu lấy tại chỗ.

---

1) Je soussigné, Administrateur en mission au Laos déclare refuser l'escorte qui lui a été offerte par le Garde Ppal Stenger pour aller chez les Sadetes.

Paleo - Chu 24 Mars 1940 — ODENDHAL

2) Tiếng chàm Patau-Apuei cũng như Hỏa-vương

BÁN ĐẤT.

Vì không dùng muốn bán :

1·) 8.000 thước đất giá 20$ một (ở Chợ Mơ cũ Bạch Mai).

2·) 2.500 thước giá 15$ một

Hỏi : ô. Phạm-mạnh-Phan số 34 Ngõ Mai Hương

BẠCH MAI

Sách của thư-xã **Alexandre de Rhodes**

ĐÃ XUẤT BẢN

Thơ Ngụ ngôn La Fontaine

Ban dịch của ông NGUYỄN-VĂN-VĨNH, có cả Pháp văn đối-chiếu.
150 trang đều có tranh ảnh của MẠNH-QUYNH
Bìa 3 màu, khổ 17×23.
Bản thường 1$00 — Bản giấy Đại La 5$00

KIM-VÂN-KIỀU, tome I

Bản dịch và chú thích của ông **Nguyễn-văn-Vĩnh**
350 trang khổ 17×23
Bản thường 2$00 — Bản giấy Vergé bouffant *7$00*

Lược-khảo Việt-Ngữ

của ông **Lê-văn-Nựu**
Ngót 100 trang khổ 12×17
Bản thường 0$50 — Bản giấy gió 4$00

TRẺ CON HÁT, TRẺ CON CHƠI

Bản thường 0$50 — Bản giấy gió 5$00

LE PAYSAN TONKINOIS

à travers le parler populaire
Bản Pháp văn của ông PHẠM-QUỲNH
100 trang, cả tranh ảnh của MẠNH QUỲNH
Bìa 2 màu, khổ 17×23
Bản thường 0$80 — Bản giấy Đại la 5$00

SẮP XUẤT BẢN

Traduction du Kim Vân Kiều (tome II)

của Ông NGUYỄN-VĂN-VĨNH (trọn bộ)

Tổng phát-hành **Mai-Lĩnh**
21 Rue des Pipes — Hanoi

Đã có bán

ÓC KHOA HỌC

CUỐN ĐẦU TRONG BỘ

SỨC KHỎE TINH THẦN

của P. N. KHUÊ

Giá : 2$20

Bằng một lối văn dễ dàng, sáng sủa, tác-giả bộ « *Sức khỏe mới* » dẫn các bạn đi tìm Óc khoa học tức là một lối nhận xét, một lối nghĩ, một lối xử trí thích hợp nhất với đời sống phiền-tạp ngày nay.

Mua 1 cuốn xin gửi tiền trước, kèm 0$40 đảm bảo về ông giám đốc.

HAN THUYÊN XUẤT BẢN CỤC
71 Tiên Tsin — Hanoi

MUỐN HIỂU ĐẾN NƠI ĐẾN CHỐN

MỘT DANH-TỪ,
MỘT THÀNH-NGỮ,
MỘT MÔN HỌC THUẬT

Các bạn cần phải đọc tập tài liệu

BÁCH KHOA ĐẠI-TỪ-ĐIỂN

của Quốc-Học Thư-Xã

Đón coi : tập SỬ HỌC
của cụ Lại Bộ PHẠM QUỲNH

ĐÃ CÓ BÁN :

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

Quyển Từ-điển chuyên môn đầu tiên trong kho sách quốc-văn.

Những thanh-ngữ và từ-ngữ của ta trong các thơ văn cổ kim đều định nghĩa rõ ràng dẫn chứng cẩn thận rất tiện tra cứu *trong khi đọc sách* và *nhất cho các học sinh học khoa quốc-văn trong các trường.*

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH

Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

Sách khổ rộng 16 × 25 Giá... 5$00

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm 0$70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành
16, Phố Lê Lợi - HANOI
51, Doumer HAIPHONG

Mua buôn xin viết thư thương-lượng.

REVUE TRI TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur : Nguyễn Tường-Phượng Administrateur Gérant : Dương Tự-Quán
Imp. Tri-Tân — 70, Bạch-Mai Hanoi